

Số: 2485 /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.*

*Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 439/TTr-STNMT, ngày 17/10/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (01 thủ tục cấp tỉnh), thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (15 thủ tục cấp tỉnh) trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình.

*(Có danh mục chi tiết kèm theo tại Phụ lục I)*

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (địa chỉ:

csdl.dichvucong.gov.vn); Công Dịch vụ công của tỉnh Hòa Bình (địa chỉ: dichvucong.hoabinh.gov.vn), Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ: http://vpubnd.hoabinh.gov.vn), Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường (địa chỉ: https://sotainguyen.hoabinh.gov.vn/).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 và Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông đồng bộ hóa kịp thời dữ liệu thủ tục hành chính tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *✍*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Th.H,05b)

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,**  
**BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÒA BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết        | Địa điểm, cách thức thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý của thủ tục  |
|-----|---|----------------------------|---|----------------------|---|
| 1   | Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản<br>1.004083.000.00.00.H28 | không quá 10 ngày làm việc | -Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp. | Không                | -Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010<br>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường |

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết        | Địa điểm, cách thức thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý của thủ tục/Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung  |
|-----|--|----------------------------|--|---|---|
| 1   | Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản<br>1.000778.000<br>.00.00.H28 | không quá 87 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.</li> <li>- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;</li> <li>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ;</li> <li>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> <li>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> <li>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> <li>-Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> <li>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính</li> </ul> |
| 2   | Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản                           | không quá 45 ngày làm việc | -Nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường   | - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy  | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</li> <li>- Nghị định số158/2016/NĐ-CP ngày</li> </ul>   |

|   |  |                            |   |  |  |
|---|--|----------------------------|---|--|--|
|   | 1.004481.000<br>.00.00.H28   |                            | <p>bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.</p> <p>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p>  | <p>phép;</p> <p>- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;</p> <p>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.</p>  | <p>29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>  |
| 3 | <p>Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản</p> <p>2.001814.000<br/>.00.00.H28</p> | không quá 45 ngày làm việc | <p>-Nộp hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.</p> <p>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> | <p>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;</p> <p>- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;</p> <p>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.</p> | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |
| 4 | Trả lại Giấy phép thăm dò  | không quá 45 ngày làm việc | - Nộp hồ sơ đề trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến  | Không  | -Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010   |

|   |   |  |   |  |   |
|---|---|--|---|--|---|
|   | <p>khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản 1.005408.000.00.00.H28</p> |  | <p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.</p> <p>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> |  | <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>   |
| 5 | <p>Phê duyệt trữ lượng khoáng sản 2.001787.000.00.00.H28</p>  | <p>không quá 184 ngày làm việc</p>                                 | <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>-Trả kết quả thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân</p>              | <p>Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)</p> <p>- Đến 01 tỷ đồng: 10 triệu đồng</p> <p>- Trên 01 đến 10 tỷ đồng: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng).</p> <p>- Trên 10 đến 20 tỷ đồng: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)</p> <p>- Trên 20 tỷ đồng: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)</p> | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |
| 6 | <p>Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp</p>  | <p>(1) Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không</p> | <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng</p>  | <p>- Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</p>   | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày</p>  |

|  |  |   |  |   |  |
|--|--|---|--|---|--|
|  | <p>Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình 1.004446.000.00.00.H28</p> | <p>quá 87 ngày làm việc.<br/>         (2) Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc<br/>         (3) Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 57 ngày làm việc</p> | <p>thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.<br/>         -Tra kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> | <p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối<br/>         a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m<sup>3</sup>/năm: 1.000.000 đồng/giấy phép<br/>         b. Có công suất khai thác từ 5.000 m<sup>3</sup>đến 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 10.000.000 đồng/giấy phép<br/>         c. Có công suất khai thác trên 10.000 m<sup>3</sup>/năm:15.000.000 đồng/giấy phép<br/>         2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp<br/>         a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm:15.000.000 đồng/giấy phép<br/>         b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và</p> | <p>26/3/2012 của Chính phủ;<br/>         -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;<br/>         - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường<br/>         - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br/>         - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường<br/>         - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính</p> |
|--|--|---|--|---|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <p>công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 40.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000</p> |  |
|--|--|--|--|--|--|



|   |   |                                       |  |  |  |
|---|---|---------------------------------------|--|--|--|
|   |   |                                       |  | <p>đồng/giấy phép<br/> b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:50.000.000 đồng/giấy phép<br/> 5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 60.000.000 đồng/giấy phép<br/> 6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 80.000.000 đồng/giấy phép<br/> 7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000 đồng/giấy phép<br/> -Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:không thu phí, lệ phí.</p> |  |
| 7 | <p>Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản<br/> 1.004434.000.00.00.H28</p> | <p>Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ</p> | <p>Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu</p> | <p>Không</p>   | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;<br/> - Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;<br/> - Nghị định số158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;<br/> - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ;<br/> -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;<br/> - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014</p> |

|   |  |                                |  |  |   |
|---|--|--------------------------------|--|--|---|
|   |  |                                | giá)   |  | của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính   |
| 8 | Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt 1.004433.000.00.00.H28 | Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ | Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá)                                 | Không  | -Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;<br>- Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;<br>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính |
| 9 | Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản 2.001783.000.00.00.H28  | không quá 45 ngày làm việc     | -Nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tiếp tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.<br>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ | 1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối<br>a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m3/năm: 500.000 đồng/giấy phép<br>b. Có công suất khai thác từ 5.000 m3đến 10.000 m3/năm: 5.000.000 đồng/giấy phép<br>c. Có công suất khai thác trên 10.000 m3/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép<br>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây | -Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010<br>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường<br>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính  |

|  |  |  |   |  |  |
|--|--|--|---|--|--|
|  |  |  | <p>thông dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> | <p>dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 10.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi</p> |  |
|--|--|--|---|--|--|

|  |  |  |  |   |  |
|--|--|--|--|---|--|
|  |  |  |  | <p>lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 15.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>7. Giấy phép khai thác</p> |  |
|--|--|--|--|---|--|

|    |   |                                   |   |   |  |
|----|---|-----------------------------------|---|---|--|
|    |   |                                   |   | <p>khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép</p>  |  |
| 10 | <p>Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản<br/>1.004345.000<br/>.00.00.H28</p> | <p>không quá 45 ngày làm việc</p> | <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.<br/>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> | <p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối<br/>a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m<sup>3</sup>/năm: 500.000 đồng/giấy phép<br/>b. Có công suất khai thác từ 5.000 m<sup>3</sup>đến 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 5.000.000 đồng/giấy phép<br/>c. Có công suất khai thác trên 10.000 m<sup>3</sup>/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép<br/>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp<br/>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép<br/>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động</p> | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010<br/>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;<br/>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;<br/>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường<br/>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <p>khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 10.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 15.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của</p> |  |
|--|--|--|--|--|--|

|    |   |                            |   |   |  |
|----|---|----------------------------|---|---|--|
|    |   |                            |   | <p>Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép</p> |  |
| 11 | <p>Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản 1.004135.000.00.00.H28</p> | không quá 45 ngày làm việc | <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.</p> <p>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ</p> | Không   | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> |

|    |  |                            |  |  |  |
|----|--|----------------------------|--|--|--|
|    |  |                            | thông dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.   |  |  |
| 12 | Đóng cửa mỏ khoáng sản<br>1.004367.000<br>.00.00.H28                     | không quá 78 ngày làm việc | <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.</p> <p>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> | Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ. | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Thủ tướng chính phủ.</p>            |
| 13 | Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản<br>2.001781.000<br>.00.00.H28 | không quá 33 ngày làm việc | <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.</p> <p>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> | Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01 giấy phép.  | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |



|    |  |                                   |  |   |   |
|----|--|-----------------------------------|--|---|---|
| 14 | <p>Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản<br/>1.004343.000.00.00.H28</p> | <p>không quá 18 ngày làm việc</p> | <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.<br/>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p>                            | <p>Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01giấy phép.</p> | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010<br/>- Nghị định số158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;<br/>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;<br/>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường<br/>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> |
| 15 | <p>Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản<br/>2.001777.000.00.00.H28</p> | <p>không quá 21 ngày làm việc</p> | <p>-Nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.<br/>-Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> | <p>Không</p>  | <p>-Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010<br/>- Nghị định số158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;<br/>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;<br/>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ;<br/>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>                       |

## PHẦN II

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

---

#### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

##### **1. Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản**

###### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đăng ký và kiểm tra thực địa (nếu cần); gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu cần); hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc đăng ký khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

###### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc gửi bản điện tử qua cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

###### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

###### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Phụ lục III Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ);

- Bản chính Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 46 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016).

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:** không quá 10 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Phụ lục III: Mẫu văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ);

- Mẫu số 46: Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

**Phụ lục III VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**  
(Kèm theo Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày... tháng... năm...  
**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KHẢO SÁT, LẤY MẪU TRÊN**  
**MẶT ĐẤT ĐỂ LỰA CHỌN DIỆN TÍCH LẬP ĐỀ ÁN**  
**THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....<sup>1</sup>

Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... ngày ... tháng ... năm  
...do

.....  
(tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số .... ngày... tháng .... năm ... do ... (Cơ  
quan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập Văn phòng đại diện số ....  
ngày ...tháng ... năm ... do ... (cơ quan quyết định thành lập Văn phòng đại diện) cấp  
(đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Đề nghị được khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án  
thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản) .....tại xã (phường, thị trấn,.....huyện  
(quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung  
ương) ..... tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương);

Diện tích khảo sát:....., tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, lấy mẫu:.....

Thời gian: từ ngày...tháng...năm...đến ngày ... tháng ... năm ...

Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu chi tiết kèm theo Văn bản này.

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy  
định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị**  
(Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo:

-

-

---

<sup>1</sup> Nơi dự kiến thăm dò khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm....

**KẾ HOẠCH KHẢO SÁT, LẤY MẪU**  
**ĐỂ LỰA CHỌN ĐIỆN TÍCH LẬP ĐỀ ÁN THẨM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ....)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm....

Căn cứ Điều 37 Luật khoáng sản, lập kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn điện tích lập đề án thẩm dò khoáng sản .... Tại xã ... huyện ... tỉnh/thành phố ... với nội dung như sau:

1. Phạm vi (diện tích, tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, lấy mẫu ...;
2. Thời gian: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...;
3. Số km khảo sát tại thực địa:.....km
4. Tổng số lượng mẫu: .... mẫu, trong đó:
  - 4.1. Mẫu (trọng sa, kim lượng...): .....
  - + Số lượng: .....
  - + Khối lượng/kích thước mẫu: ...
  - 4.2. Mẫu...: .....

(Tên tổ chức, cá nhân) .....cam kết chỉ khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất và quy định về số lượng, thời gian, khối lượng, kích thước mẫu quy định định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản./.

**Tổ chức, cá nhân(Ký**  
tên, đóng dấu)

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

### **1. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ (bao gồm 02 trường hợp)

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

Khi lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định thì ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa;

+ Gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý, đề án thăm dò cho Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, hợp thẩm định.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa

thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản họp Hội đồng thẩm định.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 5: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (giấy phép) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **(1). Thành phần hồ sơ:**

##### **\* Đối với doanh nghiệp mới thành lập:**

- Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu *theo quy định tại điều 9 của Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; cụ thể:*

+ Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

+ Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức.- Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 03 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

##### **\* Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau:**

- Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu *theo quy định tại điều 9 của Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; cụ thể:*

+ Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất.

*\* Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:*

- Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu *theo quy định tại điều 9 của Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; cụ thể:*

+ Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã;

+ Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**a) Thời hạn giải quyết:** không quá 87 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 38 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án.



Thời gian quyết định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào thời gian tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

- Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 21 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**b) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

**h) Phí, lệ phí:**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01: Đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);
- Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);
- Mẫu số 22, phụ lục 2: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;
- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;
- + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

\* Được lựa chọn theo quy định tại Điều 36 của Luật khoáng sản; Điều 25 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

\* Là tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò theo quy định của Luật khoáng sản; nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm:

(1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản:

- Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã.
- Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản.

(2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản:

- Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm:

- + Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định;

+ Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4, 5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản..

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

(3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản:

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản thực hiện nhiệm vụ thi công đề án thăm dò phải đáp ứng các điều kiện về thời gian kinh nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại; đối với các đề án thăm dò khoáng sản khác, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng

sản, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản:

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

\* Khu vực đề nghị thăm dò có diện tích:

+ Không quá 50 kilômét vuông (km<sup>2</sup>) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại, trừ bauxit;

+ Không quá 100 kilômét vuông (km<sup>2</sup>) đối với than, bauxit, khoáng sản không kim loại ở đất liền có hoặc không có mặt nước, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 200 kilômét vuông (km<sup>2</sup>) đối với khoáng sản các loại ở thềm lục địa, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km<sup>2</sup>) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông (km<sup>2</sup>) ở vùng có mặt nước đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km<sup>2</sup>) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

\* Khu vực đề nghị thăm dò:

+ Không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

\* Đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch khoáng sản; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

\* Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thăm định đề án thăm dò khoáng sản;
- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

**ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

**Địa danh, Năm 20...**

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

*Danh sách tác giả lập Đề án:*

- KSĐC... (Chủ biên)

- KS Trắc địa...

- KS ĐCTV-ĐCCT

- KS Khoan....

.....

## **ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Chức danh)

**ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN**

(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*

**(Họ và tên)**

*Chữ ký, đóng dấu*

**(Họ và tên)**

**Địa danh, Năm 20...**

## **A. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

### **MỞ ĐẦU**

- Những căn cứ pháp lý để lập đề án và đối tượng khoáng sản.
- Mục tiêu, nhiệm vụ đề án.
- Cơ sở tài liệu để lập đề án (nêu rõ và mô tả chi tiết những tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án).
- Quá trình xây dựng đề án, tổ chức và các cá nhân tham gia lập đề án.

### **CHƯƠNG 1**

#### **KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ**

##### **1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn**

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

##### **2. Lịch sử nghiên cứu**

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

##### **3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu khu vực thăm dò**

- Nêu rõ hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò.

### **CHƯƠNG 2**

#### **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN**

##### **1. Đặc điểm địa chất vùng:**

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò.

##### **2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò**

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò.
- Mức độ nghiên cứu từng thân khoáng sản.

### **CHƯƠNG 3**

#### **PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG**

##### **1. Cơ sở lựa chọn phương pháp**

- Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Cơ sở tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công



trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò.

## **2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu**

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp chủ yếu:

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu thăm dò).
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng thăm dò).
- Phương pháp địa hoá (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).
- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản thăm dò).
- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

## **CHƯƠNG 4**

### **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN**

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án thăm dò.
- Đối với các mỏ phóng xạ và đi kèm phóng xạ: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ theo luật năng lượng nguyên tử hiện hành (mỏ Urani, thori ...).
- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công đề án thăm dò.

## **CHƯƠNG 5**

### **DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG**

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan vẽ thân quặng, dự tính trữ lượng các cấp dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò.

## **CHƯƠNG 6**

### **TỔ CHỨC THI CÔNG**

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế-kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; thời gian lập báo cáo thăm dò, dự kiến

trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản; thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản (Đây là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền cấp phép thăm dò xác định thời hạn của Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật khoáng sản).

## **CHƯƠNG 7**

### **DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### **KẾT LUẬN**

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Đặc điểm khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

### **DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO**

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

##### **B. PHAN BẢN VẼ**

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Sơ đồ lịch sử nghiên cứu.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò.
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

##### **C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO**

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập đề án thăm dò.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:..... Điện thoại: ..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm... do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... do .... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập văn phòng đại diện số .... ngày .... tháng ... năm ... do ... (cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện) cấp (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Đề nghị được thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản).....tại xã. ...., huyện..... tỉnh .....

Diện tích thăm dò:.....ha (km<sup>2</sup>), được giới hạn bởi các điểm góc ..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo Đơn này.

Chiều sâu thăm dò: từ.....đến mức. ....m.

Thời gian thăm dò: ..... tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số ....., ngày..... tháng...năm... với .... (tên tổ chức lập đề án thăm dò) (trong trường hợp chủ đầu tư không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

*Đối với trường hợp đề nghị cấp phép thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên cần bổ sung thông tin về công trình thăm dò theo các thông số:*

Số hiệu C.sâu Tọa độ Ghi chú

GK (m) X Y

(Tên tổ chức, cá nhân) .....cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 22  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

---

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ**  
**KHOÁNG SẢN**

(Bìa màu trắng)

Số.....  
Ngày cấp.....

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**  
Số...../GP-BTNMT/UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ... ;

Căn cứ Quy hoạch khoáng sản. ;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số.....ngày....tháng ....năm....của. (đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản)/Quyết định số.....ngày tháng ....năm....của. về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. ...(Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân).....ngày.....tháng.....năm ....nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố .... và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của .....

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*).....được thăm dò (tên khoáng sản).....tại....., xã....., huyện....., tỉnh..... ;

Diện tích khu vực được thăm dò..... (ha, km<sup>2</sup>) được giới hạn bởi các điểm khép

góc. ...có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

Mức sâu được phép thăm dò: từ mức ... m đến mức m (nếu thấy cần thiết).

Thời hạn thăm dò tháng.

Khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và thông qua.

Chi phí thăm dò: .....đồng, bằng nguồn vốn.....(đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

**Điều 2. (tên tổ chức, cá nhân).** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện thăm dò (tên khoáng sản) theo phương pháp và khối lượng của Đề án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của đề án của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố ... hoặc đơn vị được Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố ... ủy quyền;

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng (tên khoáng sản).....cho mục đích sử dụng .... Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.... để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản... ; nộp báo cáo vào Lưu trữ theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, (*tên tổ chức, cá nhân*). ... chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (thành phố). ... và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa.

**Nơi nhận:**

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

**BỘ TRƯỞNG**  
**(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...**  
**CHỦ TỊCH)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ**

*(Kèm theo Giấy phép thăm dò số /GP-BTNMT/UBND  
ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường/  
Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)*

| <b>Điểm góc</b>          | <b>Hệ tọa độ VN-2000</b><br><i>(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)</i> |              |
|--------------------------|---|--------------|
|                          | <b>X (m)</b>  | <b>Y (m)</b> |
| 1                        |   |              |
| 2                        |   |              |
| ...                      |   |              |
| n                        |   |              |
| <b>Diện tích: ... ha</b> |   |              |



(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

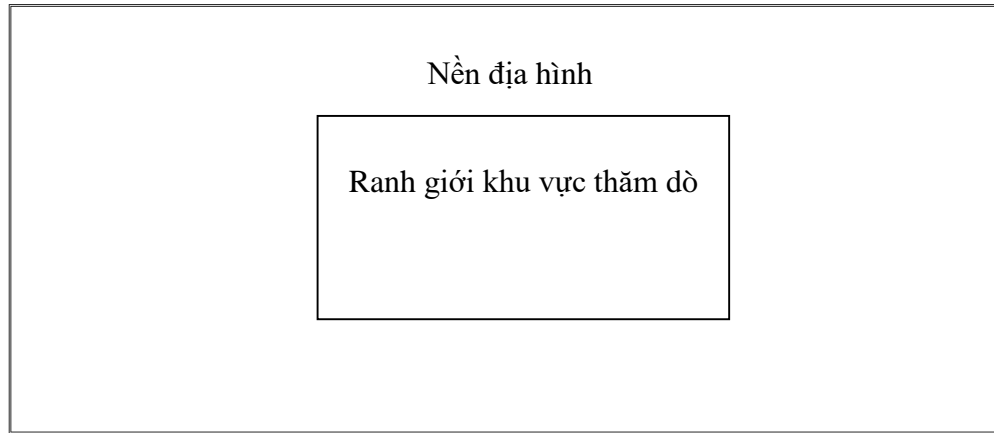
**BẢN ĐỒ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....  
 (Kèm theo Giấy phép thăm dò số...../GP-BTNMT/UBND ngày....  
 tháng.....năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân  
 tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

**Tọa độ các điểm khớp góc**

| Điểm góc          | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu... |      |
|-------------------|--|------|
|                   | X(m)                                       | Y(m) |
| 1                 |  |      |
| 2                 |  |      |
| ...               |  |      |
| Diện tích: ... ha |  |      |



Khung tọa độ



Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ.. ,  
 kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu. ”

## **2. Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc không gia hạn

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) (Mẫu số 04 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo (*Mẫu số 42 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (sau khi đã trả lại 30% diện tích khu vực thăm dò trước đó) (*Mẫu số 23 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (*theo quy định tại khoản 6 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ*).

**(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.

- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở tài nguyên và Môi trường

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) - (Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**h) Phí, lệ phí:**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 04: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 23, phụ lục 2: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 42: Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản và kế hoạch tiếp tục thăm dò (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày, trong đó, giải trình rõ lý do việc đề nghị gia hạn.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục công việc theo Giấy phép thăm dò khoáng sản đã cấp hoặc có sự thay đổi về cấu trúc địa chất; phương pháp thăm dò so với đề án thăm dò đã được chấp thuận.

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò khoáng sản đã thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò (tăng hoặc giảm) có chi phí lớn hơn 10% dự toán bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra (nếu có); thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax.....

Được phép thăm dò (tên khoáng sản)..... tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày .... tháng ..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

Đề nghị được gia hạn thời gian thăm dò đến ngày ....tháng ... năm ....

Diện tích đã được cấp phép thăm dò: ...ha (km<sup>2</sup>).

Diện tích đề nghị trả lại: .....ha (km<sup>2</sup>).

Diện tích đề nghị tiếp tục thăm dò.....ha (km<sup>2</sup>)

(Diện tích tích đề nghị tiếp tục thăm dò, diện tích đề nghị trả lại được giới hạn bởi các điểm góc ..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo).

Lý do đề nghị gia hạn:.....

.....

(Tên tổ chức, cá nhân). ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...**

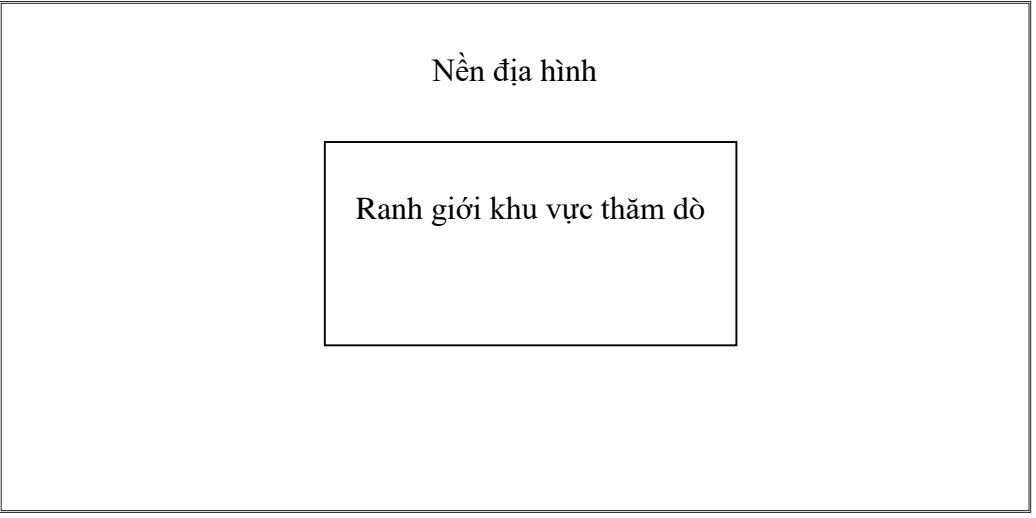
**BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....  
(Kèm theo Quyết định số...../GP-UBND ngày..... tháng.....năm... của Ủy  
ban nhân dân tỉnh)

CHỈ DẪN

**Tọa độ các điểm khép góc**

|                          |  |      |
|--------------------------|--|------|
| Điểm góc                 | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu... |      |
|                          | X(m)                                       | Y(m) |
| Khu vực tiếp tục thăm dò |  |      |
| 1                        |  |      |
| 2                        |  |      |
| ...                      |  |      |
| Diện tích: ... ha        |  |      |
| Khu vực trả lại          |  |      |
| 1                        |  |      |
| 2                        |  |      |
| ...                      |  |      |
| Diện tích: ... ha        |  |      |



Người thành lập (Ký, họ tên)      Tỷ lệ:.....      Tổ chức, cá nhân thành lập (Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ.. ,  
kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu. ”

Khung tọa độ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN VÀ KẾ  
HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ**

(Trong trường hợp gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kinh doanh số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ..... cấp lần  
đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày....  
tháng... năm. ....của ...)

Được Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...) cấp  
Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP ngày ... tháng ... năm ... cho phép thăm  
dò khoáng sản ... tại khu vực ... xã ..., huyện, tỉnh/thành phố ... ; được gia hạn tại Giấy  
phép (gian hạn) số .../GP-..... ngày ... tháng ... năm ..., thời hạn gia hạn ... tháng/năm;

(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả công tác thăm dò khoáng sản kể từ ngày  
... tháng ... năm .... đến ngày ... tháng ... năm ... và thông báo kế hoạch tiếp tục thăm dò  
khoáng sản trong thời gian giấy phép được gia hạn như sau:

**I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Theo nội dung báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo thăm dò nước  
khoáng tại theo mẫu số 41, mẫu số 42 tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26  
tháng 12 năm 2016)

**II. THỜI GIAN, KHỐI LƯỢNG, KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ**

1. Thời gian tiếp tục thăm dò: ..... tháng/năm, từ ngày.... tháng.....năm..... đến  
ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng tiếp tục thăm dò (1):



| STT        | Hạng mục công việc                           | Đơn vị tính          | Khối lượng |              |                          | Ghi chú; tăng giảm, lý do |
|------------|--|----------------------|------------|--------------|--------------------------|---------------------------|
|            |  |                      | Theo đề án | Đã thực hiện | Còn lại tiếp tục thăm dò |                           |
| <b>I</b>   | <b>Công tác trắc địa</b>                     |                      |            |              |                          |                           |
| 1          | Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...              | Km <sup>2</sup> (ha) |            |              |                          |                           |
| 1.1        | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| <b>II</b>  | <b>Công tác địa chất</b>                     |                      |            |              |                          |                           |
| 1          | Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...               | Km <sup>2</sup> (ha) |            |              |                          |                           |
| 1.1        | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| 2          | Khoan thăm dò                                | m                    |            |              |                          |                           |
| 2.1        | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| 3          | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| <b>III</b> | <b>Công tác địa vật lý</b>                   |                      |            |              |                          |                           |
| 1          | Đo ...                                       |                      |            |              |                          |                           |
| 2          | Đo...  |                      |            |              |                          |                           |
| <b>IV</b>  | <b>Công tác ĐCTV-ĐCCT</b>                    |                      |            |              |                          |                           |
| 1          | Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...             | Km <sup>2</sup> (ha) |            |              |                          |                           |
| 1.1        | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| <b>V</b>   | <b>Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu</b> |                      |            |              |                          |                           |
| 1          | Lấy mẫu                                      | Mẫu                  |            |              |                          |                           |
| 1.1        | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| 2          | Gia công mẫu                                 | Mẫu                  |            |              |                          |                           |
| 2.2        | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| 3          | Phân tích mẫu                                | Mẫu                  |            |              |                          |                           |
| 3.3        | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| <b>VI</b>  | <b>Lập báo cáo tổng kết</b>                  |                      |            |              |                          |                           |
| 1          | ...  |                      |            |              |                          |                           |
| <b>VII</b> | <b>Các công tác khác</b>                     |                      |            |              |                          |                           |
| 1          | Lấp hào                                      |                      |            |              |                          |                           |
| 2          | ...  |                      |            |              |                          |                           |

(Tên tổ chức, cá nhân). ..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn gia hạn và khối lượng công tác thăm dò theo quy định.

**Tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Theo danh mục, khối lượng còn lại theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và thông qua kèm theo Giấy phép thăm dò.

### **3. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị chuyển nhượng hoặc không cho phép chuyển nhượng

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 06 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

- Bản chính hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;
- Bản chính báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản (*Theo khoản 8 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ- CP ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ*)

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc
- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò.

- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò.

Trong trường hợp không cấp chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

#### **h) Phí, lệ phí:**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

#### **i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 06: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản và kế hoạch tiếp tục thăm dò (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

#### **k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;
- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;
- + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

- Nếu không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm:

##### **(1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản**

- Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã.
- Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản.

##### **(2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản**

- Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm:

+ Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép

thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định;

+ Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4, 5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản..

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

### (3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản thực hiện nhiệm vụ thi công đề án thăm dò phải đáp ứng các điều kiện về thời gian kinh nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại; đối với các đề án thăm dò khoáng sản khác, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng

sản, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

- Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42 Luật khoáng sản:

+ Thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;

+ Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò có chi phí lớn hơn 10% dự toán bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra (nếu có);

+ Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

+ Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật khoáng sản

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải có đủ điều kiện để được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật khoáng sản.

- Quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản:

+ Tại thời điểm chuyển nhượng không có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò.

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

.... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò khoáng sản ... (tên khoáng sản) tại xã....., huyện. ...., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò số....., ngày.... tháng.... năm.....của .... Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. ...)

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho:

.... (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm ... do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do .... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập văn phòng đại diện số .... ngày ... tháng .... năm ... do ... (cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện) cấp (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Hợp đồng chuyển nhượng số..... ngày.... tháng.... năm.....

(Tên tổ chức, cá nhân). .... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng**

(Ký tên, đóng dấu)

**Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng**

(Ký tên, đóng dấu)



(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...**

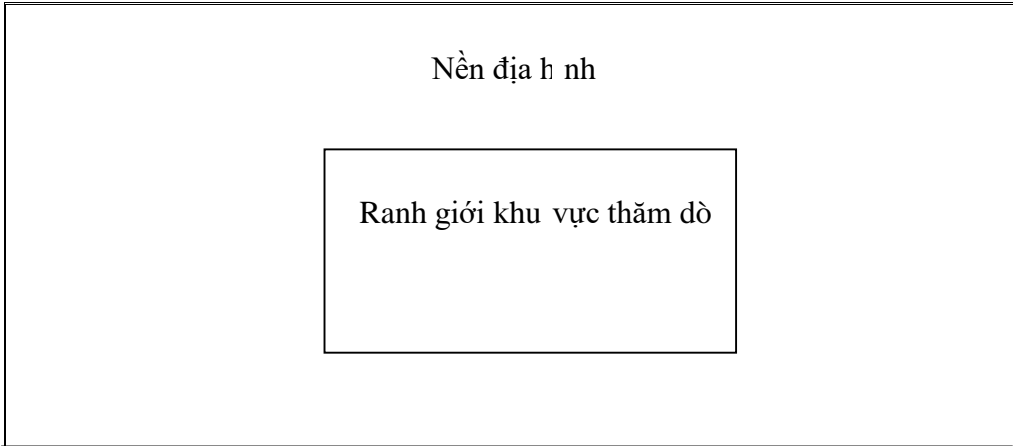
**BẢN ĐỒ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....  
(Kèm theo Giấy phép thăm dò số...../GP-UBND ngày....  
tháng.....năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. )

CHỈ DẪN

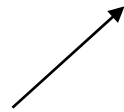
**Tọa độ các điểm khép góc**

|                   |  |      |
|-------------------|--|------|
| Điểm góc          | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu... |      |
|                   | X(m)                                       | Y(m) |
| 1                 |  |      |
| 2                 |  |      |
| ...               |  |      |
| Diện tích: ... ha |  |      |



Người thành lập (Ký, họ tên)      Tỷ lệ:.....      Tổ chức, cá nhân thành lập (Ký, đóng dấu)

Khung tọa độ



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ.. , kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu. ”

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP THẨM DÒ KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THẨM DÒ KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THẨM DÒ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kinh doanh số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày... tháng... năm. ....của ...)

Được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP.....ngày ... tháng ... năm ... cho phép thăm dò khoáng sản ... tại khu vực ... xã ..., huyện, tỉnh/thành phố ... ; được gia hạn tại Giấy phép (gian hạn) số .../GP-..... ngày ... tháng ... năm ..., thời hạn gia hạn ... tháng/năm;

(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả công tác thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm .... đến ngày ... tháng ... năm ... và thông báo kế hoạch tiếp tục thăm dò khoáng sản trong thời gian giấy phép được gia hạn như sau:

**I.KẾT QUẢ THẨM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Theo nội dung báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo thăm dò nước khoáng tại theo mẫu số 41, mẫu số 42 tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016)

**II. THỜI GIAN, KHỐI LƯỢNG, KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THẨM DÒ**

1. Thời gian tiếp tục thăm dò: .... tháng/năm, từ ngày.... tháng.....năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng tiếp tục thăm dò (1):

| STT      | Hạng mục công việc       | Đơn vị tính     | Khối lượng |              |                          | Ghi chú; tăng giảm, lý do |
|----------|--------------------------|-----------------|------------|--------------|--------------------------|---------------------------|
|          |                          |                 | Theo đề án | Đã thực hiện | Còn lại tiếp tục thăm dò |                           |
| <b>I</b> | <b>Công tác trắc địa</b> |                 |            |              |                          |                           |
| 1        | Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ | Km <sup>2</sup> |            |              |                          |                           |

|            |  |                         |  |  |  |  |
|------------|--|-------------------------|--|--|--|--|
|            | lệ ...                                       | (ha)                    |  |  |  |  |
| 1.1        | ...  |                         |  |  |  |  |
| <b>II</b>  | <b>Công tác địa chất</b>                     |                         |  |  |  |  |
| 1          | Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...               | Km <sup>2</sup><br>(ha) |  |  |  |  |
| 1.1        | ...  |                         |  |  |  |  |
| 2          | Khoan thăm dò                                | m                       |  |  |  |  |
| 2.1        | ...  |                         |  |  |  |  |
| 3          | ...  |                         |  |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Công tác địa vật lý</b>                   |                         |  |  |  |  |
| 1          | Đo ...                                       |                         |  |  |  |  |
| 2          | Đo...  |                         |  |  |  |  |
| <b>IV</b>  | <b>Công tác ĐCTV-ĐCCT</b>                    |                         |  |  |  |  |
| 1          | Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ...              | Km <sup>2</sup><br>(ha) |  |  |  |  |
| 1.1        | ...  |                         |  |  |  |  |
| <b>V</b>   | <b>Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu</b> |                         |  |  |  |  |
| 1          | Lấy mẫu                                      | Mẫu                     |  |  |  |  |
| 1.1        | ...  |                         |  |  |  |  |
| 2          | Gia công mẫu                                 | Mẫu                     |  |  |  |  |
| 2.2        | ...  |                         |  |  |  |  |
| 3          | Phân tích mẫu                                | Mẫu                     |  |  |  |  |
| 3.3        | ...  |                         |  |  |  |  |
| <b>VI</b>  | <b>Lập báo cáo tổng kết</b>                  |                         |  |  |  |  |
| 1          | ...  |                         |  |  |  |  |
| <b>VII</b> | <b>Các công tác khác</b>                     |                         |  |  |  |  |
| 1          | Lấp hào                                      |                         |  |  |  |  |
| 2          | ...  |                         |  |  |  |  |

(Tên tổ chức, cá nhân). ..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn gia hạn và khối lượng công tác thăm dò theo quy định.

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Theo danh mục, khối lượng còn lại theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và thông qua kèm theo Giấy phép thăm dò.

#### **4. Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

##### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

###### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 05 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 42 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò (*Mẫu số 33 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại (*Theo khoản 7 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ*).

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản

- Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép thăm dò (trả lại một phần diện tích thăm dò) khoáng sản.

**h) Phí, lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 05: Đơn đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 33, phụ lục 2: Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản và khu vực tiếp tục thăm dò (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 42: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày... tháng... năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN  
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

(Tên tổ chức, cá nhân):.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản/một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản của Giấy phép thăm dò khoáng sản số....., ngày.... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thăm dò ...(khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã....huyện...tỉnh...

*Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò cần nêu rõ các nội dung sau:*

- Diện tích trả lại: ..... ha (km<sup>2</sup>)

- Diện tích tiếp tục thăm dò: ..... ha (km<sup>2</sup>).

Diện tích trả lại và diện tích tiếp tục thăm dò được thể hiện bởi toạ độ các điểm khép góc xác định trên bản đồ khu vực kèm theo Đơn này.

Lý do đề nghị trả lại:.....

.....

(Tên tổ chức, cá nhân). ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**Tọa độ các điểm khếp góc**

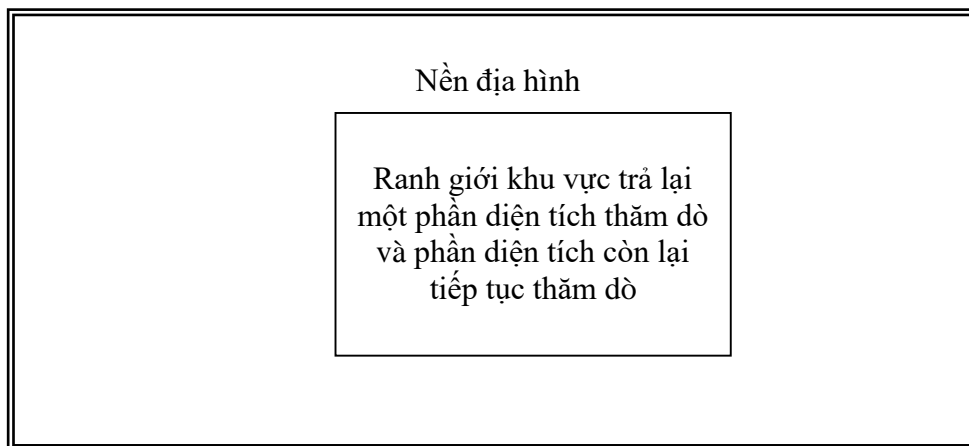
| Điểm góc                 | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu... |      |
|--------------------------|--|------|
|                          | X(m)                                       | Y(m) |
| Khu vực tiếp tục thăm dò |  |      |
| 1                        |  |      |
| 2                        |  |      |
| ...                      |  |      |
| Diện tích: ... ha        |  |      |
| Khu vực trả lại          |  |      |
| 1                        |  |      |
| 2                        |  |      |
| ...                      |  |      |
| Diện tích: ... ha        |  |      |

Khung tọa độ

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP THĂM DÒ VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC THĂM DÒ**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....  
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)

**CHỈ DẪN**



Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu...”



(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
THẨM DÒ KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THẨM DÒ KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THẨM DÒ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kinh doanh số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ..... cấp lần  
đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày....  
tháng... năm. ....của ...)

Được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số  
.../GP.....ngày ... tháng ... năm ... cho phép thăm dò khoáng sản ... tại khu vực ...  
xã ..., huyện, tỉnh/thành phố ... ; được gia hạn tại Giấy phép (gian hạn) số .../GP-.....  
ngày ... tháng ... năm ..., thời hạn gia hạn ... tháng/năm;

(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả công tác thăm dò khoáng sản kể từ ngày  
... tháng ... năm .... đến ngày ... tháng ... năm ... và thông báo kế hoạch tiếp tục thăm dò  
khoáng sản trong thời gian giấy phép được gia hạn như sau:

### **I.KẾT QUẢ THẨM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Theo nội dung báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo thăm dò nước  
khoáng tại theo mẫu số 41, mẫu số 42 tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26  
tháng 12 năm 2016)

### **II. THỜI GIAN, KHỐI LƯỢNG, KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THẨM DÒ**

1. Thời gian tiếp tục thăm dò: ..... tháng/năm, từ ngày.... tháng.....năm.....đến  
ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng tiếp tục thăm dò (1):

| STT        | Hạng mục công việc                           | Đơn vị tính             | Khối lượng |              |                          | Ghi chú; tăng giảm, lý do |
|------------|--|-------------------------|------------|--------------|--------------------------|---------------------------|
|            |  |                         | Theo đề án | Đã thực hiện | Còn lại tiếp tục thăm dò |                           |
| <b>I</b>   | <b>Công tác trắc địa</b>                     |                         |            |              |                          |                           |
| 1          | Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...              | Km <sup>2</sup><br>(ha) |            |              |                          |                           |
| 1.1        | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| <b>II</b>  | <b>Công tác địa chất</b>                     |                         |            |              |                          |                           |
| 1          | Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...               | Km <sup>2</sup><br>(ha) |            |              |                          |                           |
| 1.1        | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| 2          | Khoan thăm dò                                | m                       |            |              |                          |                           |
| 2.1        | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| 3          | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| <b>III</b> | <b>Công tác địa vật lý</b>                   |                         |            |              |                          |                           |
| 1          | Đo ...                                       |                         |            |              |                          |                           |
| 2          | Đo...  |                         |            |              |                          |                           |
| <b>IV</b>  | <b>Công tác ĐCTV-ĐCCT</b>                    |                         |            |              |                          |                           |
| 1          | Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...             | Km <sup>2</sup><br>(ha) |            |              |                          |                           |
| 1.1        | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| <b>V</b>   | <b>Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu</b> |                         |            |              |                          |                           |
| 1          | Lấy mẫu                                      | Mẫu                     |            |              |                          |                           |
| 1.1        | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| 2          | Gia công mẫu                                 | Mẫu                     |            |              |                          |                           |
| 2.2        | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| 3          | Phân tích mẫu                                | Mẫu                     |            |              |                          |                           |
| 3.3        | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| <b>VI</b>  | <b>Lập báo cáo tổng kết</b>                  |                         |            |              |                          |                           |
| 1          | ...  |                         |            |              |                          |                           |
| <b>VII</b> | <b>Các công tác khác</b>                     |                         |            |              |                          |                           |
| 1          | Lấp hào                                      |                         |            |              |                          |                           |
| 2          | ...  |                         |            |              |                          |                           |

(Tên tổ chức, cá nhân). ..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn gia hạn và khối lượng công tác thăm dò theo quy định.

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Theo danh mục, khối lượng còn lại theo Đề án đã được Hội đồng thăm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thăm định và thông qua kèm theo Giấy phép thăm dò.

## **5. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện**

#### **- Bước 1. Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình.

#### **Bước 2. Kiểm tra hồ sơ**

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần

#### **- Bước 3. Kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản**

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết.

+ Kết thúc công việc kiểm tra hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

+ Kể từ ngày kết thúc công việc gửi tài liệu đến các chuyên gia để lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, kèm theo ý kiến nhận xét bằng văn bản của các chuyên gia.

Thời gian tổ chức, cá nhân đang hoàn chỉnh báo cáo trữ lượng khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

#### **- Bước 4. Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản**

+ Khi nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu do cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc không thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu có) tổ chức phiên họp.

+ Kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông

báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

+ Kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

+ Khi nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Khi nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Trả kết quả thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (*Mẫu số 19 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan (*Mẫu số 39 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

- Bản chính Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân;

- Bản chính báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản.

- Dữ liệu của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò (Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản; biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân; báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản) ghi trên đĩa CD (01 bộ).

##### **(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**d) Thời gian giải quyết:** không quá 184 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;

+ Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc thẩm định hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

+ Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan..

**đ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt/công nhận trữ lượng, tài nguyên khoáng sản (*Mẫu số 30 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

**h) Phí, lệ phí:**

Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản:

| <b>Số TT</b> | <b>Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)</b> | <b>Mức phí</b>   |
|--------------|--|--|
| 1            | Đến 01 tỷ đồng   | 10 triệu đồng  |
| 2            | Trên 01 đến 10 tỷ đồng   | 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)  |
| 3            | Trên 10 đến 20 tỷ đồng   | 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) |
| 4            | Trên 20 tỷ đồng  | 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng) |

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 19: Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 39: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dò khoáng sản....  
.....theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ..... ngày.... tháng.... năm..... của  
.../hoặc theo đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi khu vực  
được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng....  
năm.... của..... (Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực  
thuộc Trung ương);

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản  
(tên báo cáo).....

(Tên tổ chức, cá nhân).... xin chịu trách nhiệm trước (Hội đồng đánh giá trữ lượng  
khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).... về tính  
trung thực, chính xác của các tài liệu nguyên thủy trong nội dung báo cáo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... kính đề nghị (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản  
quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)....thẩm định thông  
qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản.....đã tính trong báo cáo./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)





**UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...****THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN.....TẠI KHU VỰC XÃ .....,  
HUYỆN ....., TỈNH .....**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND ngày ... tháng .... năm  
... UBND tỉnh/thành phố...)

| STT | Khối trữ lượng | Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m) | Trữ lượng (tấn/m <sup>3</sup> ) | Ghi chú (nếu có) |
|-----|----------------|--------------------------------------|---------------------------------|------------------|
| 1   | 1-121          |                                      |                                 |                  |
| 2   | 2-121          |                                      |                                 |                  |
| ... | .....          |                                      | .....                           |                  |
|     | Tổng 121       |                                      | .....                           |                  |
|     | 1-122          |                                      |                                 |                  |
|     | 2-122          |                                      |                                 |                  |
|     | .....          |                                      | .....                           |                  |
|     | Tổng 122       |                                      |                                 |                  |
|     | 121+122        |                                      |                                 |                  |

Mẫu số 39

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản)...., tại xã...., huyện...., tỉnh...

**THUYẾT MINH**

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

**Địa danh, tháng... năm...**

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

---

Tác giả:.....

Chủ biên:.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**  
(tên khoáng sản)....., tại xã....., huyện....., tỉnh...

**THUYẾT MINH**

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY  
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN  
(*Chức danh*)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
(*Chức danh*)

*Ký, đóng dấu*  
(*Họ và tên*)

*Ký, đóng dấu*  
(*Họ và tên*)

**Địa danh, tháng.....năm.....**

# **NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

## **MỞ ĐẦU**

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo.
- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, cơ quan giám sát.
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò, thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình chủ yếu đã hoàn thành, trữ lượng đạt được.

## **CHƯƠNG 1**

### **KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ**

- Vị trí hành chính và địa lý của khu thăm dò, ranh giới và diện tích thăm dò;
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hoá. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

## **CHƯƠNG 2.**

### **ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ**

- Khái quát về vị trí khu thăm dò trong cấu trúc địa chất chung của vùng (khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo vv);
- Đặc điểm địa chất mỏ: khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng.
- Đặc điểm các thân khoáng sản: Số lượng, vị trí phân bố, mối liên kết của các thân khoáng sản theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân khoáng: Hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương, hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn, công trình khống chế. Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số của thân khoáng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại, đặc điểm phân bố các khoáng giàu, nghèo quặng, quan hệ giữa thân khoáng và đá vây quanh. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân khoáng. Đặc điểm phong hoá, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh.

Ở những mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với các mỏ sa khoáng tiến hành mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng, điều kiện thế nằm của sa khoáng, đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của vỉa sản phẩm, thành phần và chiều dày lớp phủ, cấu tạo địa chất đáy sa khoáng, hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích, hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (đối với vàng: tuổi vàng). Thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, sùng nước v.v...

Đối với các mỏ than cần thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Các vỉa có thể khai thác mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá

vách, trụ vữa than, các dấu hiệu để nổi vữa. Diện phân bố chung và phân bố công nghiệp của vữa; số công trình bắt vữa...Đối với các vữa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác, chiều dày, cấu tạo vữa; so sánh kết quả khai thác với thăm dò.

### **CHƯƠNG 3**

## **CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ**

## **CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Công tác thăm dò địa chất**

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ cần căn cứ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả nghiên cứu thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như hệ số biến đổi chiều dày, hàm lượng, tính dị hướng, bán kính ảnh hưởng. ;

- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố trí công trình thăm dò;

- Báo cáo chi tiết hệ phương pháp, khối lượng đã thực hiện và kết quả đạt được theo các yêu cầu như sau:

#### **1.1. Công tác trắc địa:**

##### *a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện;

##### *b) Nội dung công tác kỹ thuật*

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu từng loại lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tầng dày đã thành lập; thiết bị đã sử dụng đo, phương pháp đo, phương pháp tính toán, bình sai; so sánh sai số đo đạc với hạn sai quy định tại quy định hiện hành và đề án phê duyệt.

- Thành lập bản đồ địa hình: nêu phương pháp, thiết bị thành lập bản đồ địa hình, khoảng cao đều, múi chiếu và kinh tuyến trục khu vực thành lập bản đồ, mật độ trung bình điểm chi tiết trên  $dm^2$  bản đồ...

- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa và đo thu về bản đồ; phương pháp định tuyến tuyến thăm dò, điểm trên tuyến...

- Đánh giá chung về chất lượng công tác trắc địa và kết quả đạt được.

##### *c) Các sản phẩm:*

- Tài liệu nguyên thủy: File gốc đo lưới giải tích 1,2 bằng công nghệ GPS cùng số đo trạm máy; Sổ đo lưới giải tích 1, 2 và đa giác 2 (nếu đo bằng phương pháp truyền thống); Sổ đo lưới đường chuyền kinh vĩ; Sổ đo mặt cắt chi tiết; Sổ đo chi tiết địa hình với hệ thống tọa độ được trút ra từ các file đo của máy toàn đạc điện tử; Sổ đo tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Sổ thống kê tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Sổ đo độ cao (nếu dẫn độ cao bằng phương pháp đo cao hình học); Phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc và bản đồ địa hình (nếu có);

- Tài liệu tổng hợp: Bảng tính toán bình sai lưới lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tầng dày, hành trình thủy chuẩn các cấp (nếu có); Bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập, tọa độ, độ cao công trình địa chất và bảng (hoặc file) tọa độ, độ cao các điểm đo chi tiết địa hình; Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; Bản đồ địa hình và mặt cắt địa hình (nếu có); (thành lập phụ lục riêng cho công tác trắc địa).

## **1.2. Công tác địa chất:**

Gồm các dạng công việc: đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản và các dạng công việc khác như: địa hóa, trọng sa, nghiên cứu chuyên đề ... (nếu có).

### *a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các dạng công việc đã thực hiện.

### *b) Nội dung công tác kỹ thuật*

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

### *c) Các sản phẩm:*

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký địa chất và bản đồ hành trình kèm theo; Bản đồ/sơ đồ bố trí công trình (thực tế); Các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thăm dò; Ảnh chụp vết lộ quan trọng.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

## **1.3. Công tác địa vật lý:**

### *a) Đối với công tác địa vật lý chung:*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành, máy móc-thiết bị sử dụng, chất lượng tài liệu, đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả từng phương pháp.

### *b) Đối với công tác địa vật lý lỗ khoan:*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp đã lựa chọn; cách thức đo, ghi, biểu diễn biểu đồ địa vật lý lỗ khoan; phương pháp phân tích tài liệu, xác định chiều dày, vách, trụ, hàm lượng khoáng sản...theo từng phương pháp tương ứng; xác lập cột địa tầng địa vật lý lỗ khoan và so sánh với cột địa tầng thực tế khoan; mức độ sử dụng kết quả địa vật lý lỗ khoan trong việc xác định chiều dày và tính trữ lượng...

### *c) Các sản phẩm:*

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đo các phương pháp địa vật lý thực hiện trong đề án (điện, từ, xạ, trọng lực...); Các tài liệu hiệu chuẩn, kiểm chuẩn thiết bị địa vật lý theo quy định; Các sổ đo kiểm tra, sổ đánh giá chất lượng tài liệu thực địa; Nhật ký đo carota lỗ khoan; Các file kết quả đo địa vật lý lưu trên thiết bị đo hoặc máy tính; Các tài liệu thực tế hàng ngày, từng hành trình biểu diễn dưới dạng đường cong, sơ đồ, đồ thị, mặt cắt tương ứng với từng phương pháp thi công thực tế.

- Tài liệu tổng hợp: báo cáo thuyết minh và các bản vẽ phân tích, xử lý tương ứng với từng phương pháp đã thi công theo quy định địa vật lý hiện hành (thành lập phụ lục riêng về công tác địa vật lý).

## **1.4. Thi công công trình thăm dò**

### *a) Công trình khai đào:*

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; khối lượng đã thực hiện; quy cách kỹ thuật áp dụng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

### *b) Công trình khoan:*

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua đá, qua quặng (có thể tính theo trọng lượng

hoặc thể tích đối với khoan lấy mẫu sa khoáng). Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

*c) Các sản phẩm:*

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đăng ký công trình; Thiết đồ công trình khai đào (vét lộ, hố, hào, giếng, lò); Sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; Nhật ký khoan (sổ khoan); Thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; Ảnh chụp mẫu công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

### **1.5. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu**

*a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng*

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của từng loại mẫu về các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công mẫu phân tích định lượng, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính trữ lượng khoáng sản.

*b) Nội dung kỹ thuật*

- Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng (tất cả quá trình này đều phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán sai số.

*c) Các sản phẩm*

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ lấy mẫu; Sổ đăng ký mẫu gia công, phân tích; Phiếu gửi mẫu; Phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm.

- Tài liệu tổng hợp: Sổ tổng hợp các loại mẫu; Phụ lục thống kê, đánh giá sai số theo biểu mẫu quy định.

### **2. Các vấn đề về bảo vệ tài nguyên, môi trường**

Các loại mẫu đã lấy để thí nghiệm, xác định sự có mặt của các khoáng sản khác, khoáng sản quý hiếm, phóng xạ vv để đề xuất phương án thu hồi bảo vệ khi khai thác khoáng sản chính.

Ảnh hưởng của công tác thăm dò đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bản bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

**3. Những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng: nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.**

## CHƯƠNG 4

### ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

#### 1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;
- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.

- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, hạng quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hoá (oxy hoá), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ phong hoá

- Thành phần hoá: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại. Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu. Đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy của tro than, thành phần lưu huỳnh, photpho đối với than giàu lưu huỳnh, photpho... Tính chất cơ lý của than: Tỷ trọng, độ kiên cố, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa). Đối với vỉa phức tạp cần mô tả chi tiết thành phần, cấu tạo địa chất, đặc tính cơ lý các lớp đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt các khoáng sản có ích trong than, lớp phủ, đá vây quanh (nếu có). Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; sản phẩm đi kèm (nếu có).

#### 2. Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân khoáng sản, toàn mỏ.

- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng, bán công nghiệp vv.

- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.

- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.

- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của xí nghiệp chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.



## CHƯƠNG 5

### ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

#### 1. Công tác đo vẽ ĐCTV-ĐCCT

##### a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (ĐCTV) và địa chất công trình (ĐCCT) đã tiến hành.

##### b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (Đo vẽ lập sơ đồ/bản đồ ĐCTV-ĐCCT, Khoan ĐCTV- ĐCCT chuyên môn, Quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT, Quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm, Bơm nước thí nghiệm, Mức nước thí nghiệm, Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu cơ lý đất đá, nước, vi sinh...), đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

##### c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký ĐCTV-ĐCCT và bản đồ tài liệu thực tế kèm theo; Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV- ĐCCT; Các loại sổ liên quan đến các công tác ĐCTV – ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV- ĐCCT công trình khoan, khai đào; Sổ bơm nước thí nghiệm lỗ khoan; Sổ đồ nước thí nghiệm; Sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; Sổ tổng hợp Tài liệu khí tượng thủy văn; Sổ lấy mẫu cơ lý đất, Sổ lấy mẫu cơ lý đá, Sổ lấy mẫu nước, Sổ lấy mẫu vi sinh...).

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

#### 2. Đặc điểm địa chất thủy văn

##### a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông suối, chiều dài, rộng và sâu của các dòng sông suối. Độ dốc lòng sông, mức độ uốn khúc, đặc điểm phù sa...

- Độ cao mực nước sông suối, lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng.

- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

##### b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ địa chất thủy văn, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hoá, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thủy lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hoá, của đới phá huỷ kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.

- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.

- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khác phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.

- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ, biện pháp xử lý.

- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.

- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hoá học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

### **3. Đặc điểm địa chất công trình**

Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hoá. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá huỷ, đới phong hoá. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

Các hiện tượng địa chất tự nhiên và địa chất công trình.

Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, nương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

### **4. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ**

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất – khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).

- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hoá, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hoá, karst, đới dập vỡ kiến tạo v.v...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hoá trong quá trình khai thác như: mức

độ karst, cát chảy, bụi nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khoẻ con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

## **CHƯƠNG 6 CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG**

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng theo Phụ lục báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;

- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng được áp dụng;

- Nguyên tắc, cách thức khoan nôi thân khoáng tính trữ lượng;

- Phân khối và xếp cấp trữ lượng.

- Xác định các thông số tính trữ lượng.

- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp.

- Tổng hợp trữ lượng có khả năng khai thác lộ thiên, trữ lượng khai thác hầm lò (nếu có).

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: toạ độ công trình thăm dò, hành trình lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu. Nguyên tắc nội ngoại suy, kết quả xác lập mô hình hoá thân khoáng, mô tả các đặc trưng về tính dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích của chúng).

## **CHƯƠNG 7 HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ**

- Chi phí chung cho công tác thăm dò, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;

- Giá thành thăm dò một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng.

- Phân tích tính đúng đắn của các phương pháp công tác đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

## **KẾT LUẬN**

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;

- Kết quả chính báo cáo thăm dò đã đạt được;

- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;

- Kết quả tính trữ lượng;

- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT;

- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

## **NỘI DUNG BÁO CÁO LUẬN GIẢI CHỈ TIÊU TẠM THỜI TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;

- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò đã tiến hành;
- Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Các thông số cần luận giải trong báo cáo:

a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản:

- Hàm lượng biên các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân khoáng không rõ ràng;

- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, khi trữ lượng đạt chỉ tiêu không thể khoan nổi riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn địa chất hoặc điều kiện kinh tế kỹ thuật và việc tính trữ lượng phải thực hiện bằng phương pháp xác suất trong phạm vi đới quặng (via quặng, thân quặng);

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng:

- Chiều dày tối thiểu thân khoáng (via, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu (hoặc gam.met tối thiểu));

- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân khoáng được khoan vào ranh giới tính trữ lượng;

- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng tối ưu cho mỏ.

## **DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình Hội đồng ĐGTLKSQG. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

## **CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO**

**1. Phụ lục số 1:** Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

**2. Phụ lục số 2:** Công tác trắc địa (toàn bộ nội dung công tác trắc địa)

**3. Phụ lục số 3:** Kết quả phân tích các loại mẫu

**4. Phụ lục số 4:** Kết quả tính toán (gồm sai số phân tích mẫu, thông kê hàm lượng, chiều dày theo mẫu đơn, công trình, thân quặng...)

**5. Phụ lục số 5:** Kết quả tính trữ lượng (gồm kết quả tính hàm lượng trung bình công trình, khối trữ lượng, thể trọng, trữ lượng, tài nguyên...)

**6. Phụ lục số 6:** Công tác ĐCTV-ĐCCT (bao gồm toàn bộ các hạng mục của thủy văn và công trình)

**7. Phụ lục số 7:** Công tác Địa vật lý (nếu có)

**8. Phụ lục số 8:** Kết quả thí nghiệm mẫu công nghệ

**9. Phụ lục số 9:** Tập thiết đồ công trình (khoan, hào, giếng, lò, vết lộ)

### **CÁC BẢN VẼ KÈM THEO BÁO CÁO**

Các bản vẽ phải thành lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ nhất các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò và thể hiện được cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, chỉ dẫn đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất.

Dưới đây là các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (đóng cùng thuyết minh);
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000;
- Bản đồ địa hình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 và mặt cắt qua mỏ (có thể đóng cùng thuyết minh);
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000);
- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000), kèm theo mặt cắt địa chất;
- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất;
- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò bố trí theo tầng);
- Các bình đồ đồng đẳng trụ vỉa (thân khoáng), đồng đẳng vách (đối với mỏ khai thác lộ thiên). Bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại. Bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ;
- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ, bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí

các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện. Bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng. Các mặt cắt địa vật lý - địa chất. Các giản đồ karota lỗ khoan;

- Các bình đồ phân khối tính trữ lượng, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng phải thể hiện ranh giới các khối tính. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng. Con số trữ lượng, hàm lượng trung bình và trữ lượng các khoáng sản có ích chính và đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng tính theo số liệu trắc địa mỏ;

- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5000

- Bản đồ địa chất thủy văn khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;

- Bản đồ địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;

- Các mặt cắt ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV, ĐCCT.

- Các đồ thị khí tượng thủy văn, đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm. Đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm. Các đồ thị quan trắc địa chất công trình (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất v.v...).

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG  
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA  
(UBND TỈNH/ THÀNH PHỐ...)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-HĐTLQG/UBND

Địa danh, ngày.....tháng ..... năm ...

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt/công nhận trữ lượng/tài nguyên khoáng sản .. trong “Báo cáo kết quả  
thăm dò khoáng sản.. tại khu vực xã., huyện..., tỉnh...”**

**(Trữ lượng tính đến tháng ..... năm .....)**

### **HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ..... của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương..... ngày.... tháng..... năm ;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-HĐTLQG ngày ..... tháng ..... năm ..... của Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia ban hành quy chế của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Quyết định số .... ngày..... tháng... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số .../BTNMT ngày ... tháng ... năm ..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn/ Căn cứ Thông tư số ... ngày ..... tháng... năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản.....;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng .... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố.....;

Xét đề nghị của ..... tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày..... tháng .... năm .....

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Hội đồng tư vấn tỉnh/thành phố..... tại phiên họp ngày.... tháng..... năm ..... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.....,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt/công nhận trữ lượng và tài nguyên khoáng sản .... trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản .... tại khu vực xã....., huyện....., tỉnh...” , với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là .....ha (*Bằng chữ* ), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt/công nhận trữ lượng khoáng sản... đã tính trong báo cáo:

Cấp 121:        tấn/m<sup>3</sup>.

Cấp 122:        tấn/m<sup>3</sup>.

3. Tài nguyên cấp 333:..... tấn/m<sup>3</sup>

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121:        tấn/m<sup>3</sup>.

Trữ lượng cấp 122:        tấn/m<sup>3</sup>.

5. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 2 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản..... của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng-Chủ tịch Hội đồng/Chủ tịch tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh/thành phố..... ;
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT)
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam/ Sở TNMT;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDDL;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu VT, VPTLKS.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH  
(TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,  
THÀNH PHỐ ....  
CHỦ TỊCH)**





**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG  
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA  
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)**

Phụ lục số 02

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN.....TẠI KHU VỰC XÃ .....,  
HUYỆN ....., TỈNH .....**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-HĐTLQG(UBND) ngày ...  
tháng ... năm .... của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/UBND  
tỉnh/thành phố...)*

| STT      | Khối trữ lượng | Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m) | Trữ lượng (tấn/m <sup>3</sup> ) | Ghi chú (nếu có) |
|----------|----------------|--------------------------------------|---------------------------------|------------------|
| 1        | 1-121          |                                      |                                 |                  |
| 2        | 2-121          |                                      |                                 |                  |
| ...      | .....          |                                      | .....                           |                  |
| Tổng 121 |                |                                      | .....                           |                  |
|          | 1-122          |                                      |                                 |                  |
|          | 2-122          |                                      |                                 |                  |
|          | .....          |                                      | .....                           |                  |
| Tổng 122 |                |                                      |                                 |                  |
| 121+122  |                |                                      |                                 |                  |

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:      /QĐ-HĐTLQG/UBND

Địa danh, ngày      tháng      năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt/công nhận trữ lượng/tài nguyên nước khoáng tại lỗ khoan .....  
trong “Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng .... tại khu vực xã....., huyện.....,  
tỉnh... ..”**

*(Trữ lượng tính đến tháng ..... năm .....)*

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ..... của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương tỉnh ..... ngày.... tháng..... năm ....;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-HĐTLQG ngày ... tháng ...năm ... của Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia ban hành quy chế của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Quyết định số .... ngày...tháng... năm ... của Chủ tịch UBND tỉnh/Thành phố ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.

Căn cứ Thông tư số 52/2014/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng .... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố.....;

Xét đề nghị của ...(tên tổ chức, cá nhân) tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày ... tháng ... năm ... nộp tại Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố ....;

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Hội đồng

tư vấn tỉnh/thành phố ...tại phiên họp ngày ... tháng ...năm ... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.....,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt/công nhận trữ lượng và tài nguyên nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan .... trong “Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng/nước nóng ... tại khu vực xã....., huyện....., tỉnh.....”, với các nội dung chính sau:

1. Tọa độ lỗ khoan.... Được xác định theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trung tâm....., múi chiều.....:

X(m).....Y(m).....

2. Trữ lượng nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan....:

Cấp B: ..... m<sup>3</sup>/ngày.

Cấp C<sub>1</sub>: ..... m<sup>3</sup>/ngày.

3. Nguồn nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan.... là nước khoáng thiên nhiên khoáng hóa.....; tổng khoáng hóa.....mg/l, nhiệt độ....°C.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất. Quá trình khai thác và sử dụng nước khoáng phải tiến hành lấy mẫu định kỳ, quan trắc theo yêu cầu chuyên môn, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ trưởng-Chủ tịch Hội đồng/Chủ tịch tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh..... ;
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT)
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam/Sở TNMT;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDDL;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu VT, VPTLKS.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH  
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/  
THÀNH PHỐ.....  
CHỦ TỊCH)**

## **6. Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

+ Gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp, điều chỉnh hoặc không cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**(1) Thành phần hồ sơ:**

**\* Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản:**

- Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (*Mẫu số 24 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 Nghị định này gồm: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài);

- Các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định như sau:

\* Đối với doanh nghiệp mới thành lập gồm một trong các văn bản sau:

+ Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

+ Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức.

\* Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau:

+ Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất.

\* Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm một trong các văn bản sau:

+ Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã;

+ Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân

trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Trường hợp đề nghị khai thác quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

**\* Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản**

- Bản chính Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 11 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Bản chính Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt;

- Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao cao chứng thực điện tử từ bản chính: Thuyết minh báo cáo, các bản vẽ kèm theo và quyết định phê duyệt kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

**\* Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình**

+ Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 12 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

+ Bản chính bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình (Mẫu số 26 Phụ lục số 02 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

+ Bản chính Phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:**

(1) **Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 87 ngày làm việc.

(2) **Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 40 ngày làm việc

(3) **Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** không quá 57 ngày làm việc.

### **Cụ thể:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ **Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 69 ngày làm việc.

Trong thời gian không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

\* Trong thời gian không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định;

\* Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định.

\* Trong thời gian không quá 38 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

+ **Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 20 ngày làm việc.

Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

+ **Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** không quá 45 ngày làm việc

\* Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

\* Trong thời gian không quá 35 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời hạn cấp giấy phép:

+ **Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 12 ngày làm việc

\* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

\* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ **Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:** không quá 12 ngày làm việc



\* Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh;

\* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

**+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** không quá 06 ngày làm việc

\* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

\* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

**+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản:** trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.

**+ Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:** trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

**+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác khoáng sản; Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 24 Mẫu số 28 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

**h) Phí, lệ phí:** Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

**- Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:**

| <b>Số TT</b> | <b>Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản</b>  | <b>Mức thu<br/>(đồng/giấy phép)</b> |
|--------------|---|-------------------------------------|
| <b>1</b>     | Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối  |                                     |
| a            | Có công suất khai thác dưới 5.000 m <sup>3</sup> /năm   | 1.000.000                           |
| b            | Có công suất khai thác từ 5.000 m <sup>3</sup> đến 10.000 m <sup>3</sup> /năm   | 10.000.000                          |
| c            | Có công suất khai thác trên 10.000 m <sup>3</sup> /năm  | 15.000.000                          |
| <b>2</b>     | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp   |                                     |
| a            | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm   | 15.000.000                          |
| b            | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này | 20.000.000                          |
| c            | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này   | 30.000.000                          |
| <b>3</b>     | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng   | 40.000.000                          |
| <b>4</b>     | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này  |                                     |
| a            | Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp   | 40.000.000                          |
| b            | Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp  | 50.000.000                          |
| <b>5</b>     | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này  | 60.000.000                          |
| <b>6</b>     | Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm   | 80.000.000                          |
| <b>7</b>     | Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại  | 100.000.000                         |

**- Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:** không thu phí, lệ phí.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

**- Đối với hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản:**

+ Mẫu số 07: Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

+ Mẫu số 24 - Phụ lục 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

**- Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:**

+ Mẫu số 11: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

+ Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**- Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:**

+ Mẫu số 12: Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

+ Mẫu số 26 Phụ lục số 02: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

**- Đối với hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản:**

+ Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản chung cả nước; Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

+ Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

**- Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:** không.

**- Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại: .....Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm... do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do .... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò (tên khoáng sản).....tại xã.....huyện.....tỉnh..... đã được ....(cơ quan phê duyệt) phê duyệt theo Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm....

Trữ lượng ....(tên khoáng sản) được phê duyệt.....tấn ( $m^3/kg$ ).

Đề nghị được cấp phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại khu vực ....thuộc xã..... huyện..... tỉnh. ....với các nội dung như sau:

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha,  $km^2$ ), được giới hạn bởi các điểm góc: .....có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Trữ lượng huy động vào khai thác: ..... (tấn,  $m^3$ ,. )

Trữ lượng khai thác: ..... (tấn,  $m^3$ ,. )

Phương pháp khai thác .....(Hàng lò/lộ thiên).

Công suất khai thác:..... (tấn,  $m^3$ ,. ) /năm

Mức sâu khai thác: từ mức ... m đến mức.....m.

Thời hạn khai thác .....năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

Đối với trường hợp đề nghị cấp phép khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên cần bổ sung thông tin về công trình khai thác theo các thông số:

| Số hiệu, C.sâu | Tọa độ | Lưu lượng      | Hạ thấp  | Mức nước | Ghi chú |
|----------------|--------|----------------|----------|----------|---------|
| GK (m)         | X Y    | ( $m^3/ngày$ ) | Smax (m) | tính (m) |         |

(Tên tổ chức, cá nhân).....cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC**  
**KHOÁNG SẢN**

(Bìa màu trắng)

Số.....  
Ngày cấp.....

Số: ...../GP-BTNMT/UBND

*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ... ;

Căn cứ Quy hoạch khoáng sản. ;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số .... ngày... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... (đối với các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò khoáng sản)/Quyết định số.....ngày....tháng ....năm....của. về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....về việc phê duyệt trữ lượng ... trong Báo cáo kết quả thăm dò. ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTNMT/UBND... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và khai thác mỏ ... (hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường và Phương án cải tạo phục hồi môi trường. );

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... tại Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... về việc. (nếu có);

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác mỏ ... của (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày.....tháng... năm..... của (tên tổ chức, cá nhân).....nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)... khai thác (tên khoáng sản) bằng phương pháp ... (lộ thiên; hầm lò ...) tại mỏ ... (tên mỏ) thuộc xã..... huyện... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km<sup>2</sup>) được giới hạn bởi các điểm góc. ... có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức .... (m);

(*Đối với giấy phép khai thác nước khoáng, nước nóng cần quy định rõ:*

- *Vị trí công trình khai thác:*

- *Số hiệu giếng khoan, chiều sâu, tọa độ, lưu lượng*

- *Chế độ khai thác.....* ).

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:.....(tấn, m<sup>3</sup>, ..).

Trữ lượng khai thác:.....(tấn, m<sup>3</sup>, ..).

Phương pháp khai thác: .....(hầm lò/lộ thiên/....)

Công suất khai thác:.....(tấn, m<sup>3</sup>, ..)/năm.

Thời hạn khai thác:....năm ....tháng.

**Điều 2.** (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) theo quy định;

3. Tiến hành hoạt động khai thác (*tên khoáng sản*)... theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ... được ... phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ ... và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.



9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, (*tên tổ chức, cá nhân*)... phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ..., Sở Công Thương tỉnh/thành phố ... Thiết kế mỏ được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ (*trừ trường hợp khai thác nước khoáng*), kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

*(Đối với giấy phép khai thác nước khoáng, nước nóng cần bổ sung quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước khỏi bị ô nhiễm. Định kỳ quan trắc động thái, kiểm tra chất lượng của nguồn nước và kịp thời khắc phục các biến động xấu; không khai thác quá lưu lượng cho phép và sử dụng nguồn nước theo chỉ định cho phép bằng văn bản của cơ quan Y tế có thẩm quyền).*

**Nơi nhận:**

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

**BỘ TRƯỞNG**  
**(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...**  
**CHỦ TỊCH)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác số /GP-BTNMT/UBND  
ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường/  
Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)*

| <b>Điểm góc</b>          | <b>Hệ tọa độ VN-2000</b><br><i>(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)</i> |              |
|--------------------------|---|--------------|
|                          | <b>X (m)</b>  | <b>Y (m)</b> |
| 1                        |   |              |
| 2                        |   |              |
| ...                      |   |              |
| n                        |   |              |
| <b>Diện tích: ... ha</b> |   |              |

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...**

**BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

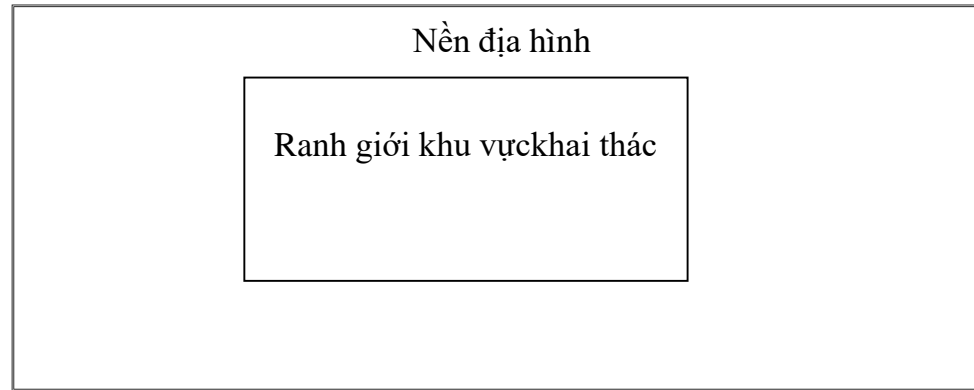
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....

(Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm.... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

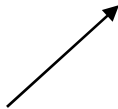
**CHỈ DẪN**

**Tọa độ các điểm khép góc**

| Điểm góc         | Hệ VN2000, kinh tuyến trực...múi chiếu ... |      |
|------------------|--|------|
|                  | X(m)                                       | Y(m) |
| 1                |  |      |
| 2                |  |      |
| ...              |  |      |
| Diện tích: ...ha |  |      |



Khung tọa độ



Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiếu..., số hiệu..”

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác ... (tên khoáng sản) tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Đề nghị điều chỉnh ... (nội dung điều chỉnh) của Giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

- ... (nội dung theo Giấy phép đã cấp);

- ... (nội dung đề nghị điều chỉnh);

(thay đổi về công suất; trữ lượng; thời hạn khai thác, tên chủ đầu tư)

Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
Khai thác khoáng sản)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....

## **BÁO CÁO**

### **HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC**

(Trong trường hợp điều chỉnh, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

#### **I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân: .....
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác ..);
3. Địa chỉ:..... ;  
Điện thoại: .....; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên.....;
  - Năm sinh..... ;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
  - Loại khoáng sản được phép khai thác: .....
  - Cơ quan cấp phép. ....;
  - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn) ....., huyện (thị xã, thành phố) .....,tỉnh (thành phố) .....
  - Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/ ..);
  - Diện tích khu vực khai thác:..... (m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);
  - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức..... m;
  - Trữ lượng được phép khai thác:
    - + Trữ lượng địa chất .....(tấn, m<sup>3</sup>),
    - + Trữ lượng khai thác .....(tấn, m<sup>3</sup>);
  - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày, đêm);
  - Thời hạn Giấy phép khai thác:.....(tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (điều chỉnh) số.... ngày .... tháng....năm ...
  - Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác: .....
- Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường) ....., huyện (thị xã, thành phố)..... , tỉnh (thành phố)..... ;
- Phương pháp tiếp tục khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/....);
- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác: ..... ( $m^2$ , ha,  $km^2$ );
- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức .....m, đến mức. .... m;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
  - + Trữ lượng địa chất .....(tấn,  $m^3$ ),
  - + Trữ lượng khai thác .....(tấn,  $m^3$ );
- Công suất được phép tiếp tục khai thác: ..... (tấn/năm,  $m^3$ /năm,  $m^3$ /ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: ..... (tháng, năm);

## **II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản**

### **II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm**

....

**II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng.... năm.....(từ khi được cấp phép) đến ngày..... tháng.... năm ... (thời điểm báo cáo):**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản). .... (VND);
  2. Tổng vốn đầu tư ..... (VND);
  3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: .....(VND);
  4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm.....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....).....(tấn,  $m^3$ );
  5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ..... (VND/tấn,  $m^3$ );
  6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế...../thực tế: .....
  7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
    - Khối lượng.....(tấn,  $m^3$ ), hàm lượng khoáng sản nguyên khai...../(tấn,  $m^3$ ) đưa vào tuyển, làm giàu;;
    - Khối lượng..... (tấn,  $m^3$ ), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: ..... (tấn,  $m^3$ );
    - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được ..... (tấn,  $m^3$ );
  8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn,  $m^3$ );
  9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo:.....(tấn,  $m^3$ );
  10. Tổng doanh thu: ..... (VND);
  11. Nộp ngân sách Nhà nước:..... (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên:..... (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản. ....(VND);
  - Thuế môi trường: ..... (VND);
  - Tiền thuê đất: ..... (VND)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:..... (VND);
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .....(VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp.... (VND).
- Khác (nếu có): .....

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. .... (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản ..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm.....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....)..... (tấn, m<sup>3</sup>).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):..... (tấn, m<sup>3</sup>), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác..... (tấn, m<sup>3</sup>);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m<sup>3</sup>);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...): ..... (tấn, m<sup>3</sup>).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm..... ;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

### III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày.....tháng.....năm....

2. Thời gian khai thác: .....tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
Ở KHU VỰC CÓ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được cấp phép đầu tư dự án xây dựng công trình ... (tên dự án) tại xã. ...., huyện....., tỉnh. .... theo Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ... do .... (tên cơ quan) cấp.

Đề nghị được khai thác khoáng sản ... (tên khoáng sản) trong phạm vi ranh giới, diện tích của dự án:

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km<sup>2</sup>), được giới hạn bởi các điểm góc: .....có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Trữ lượng được phép huy động vào khai thác: ..... (tấn, m<sup>3</sup>,. )

Trữ lượng khai thác: ..... (tấn, m<sup>3</sup>,. )

Công suất khai thác:..... (tấn, m<sup>3</sup>,. )/năm

Mức sâu khai thác:từ mức ... m đến mức.....m.

Thời hạn khai thác .....năm, kể từ ngày được cấp phép.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)



(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

**BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

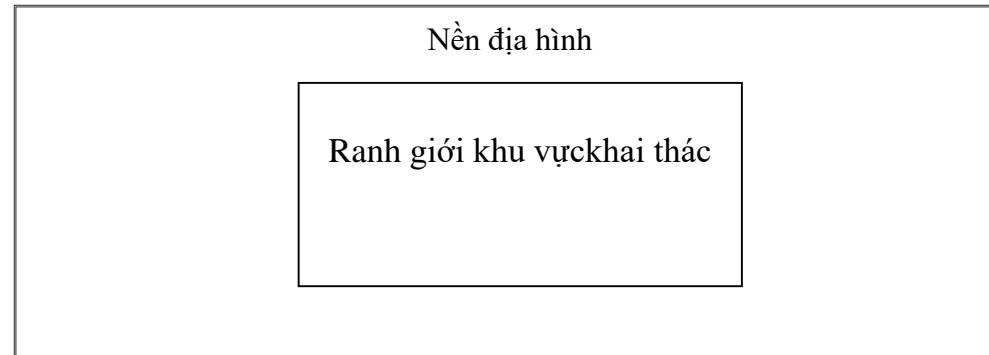
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....

(Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ  
Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

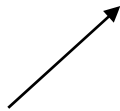
**CHỈ DẪN**

**Tọa độ các điểm khép góc**

| Điểm góc         | Hệ VN2000, kinh tuyến trục...múi chiếu<br>... |      |
|------------------|---|------|
|                  | X(m)  | Y(m) |
| 1                |   |      |
| 2                |   |      |
| ...              |   |      |
| Diện tích: ...ha |   |      |



Khung tọa độ



Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ .....

Tô chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ  
địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..,  
múi chiếu..., số hiệu..”

## **7. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp cho Tổ chức đấu giá tài sản (TH1: trường hợp cuộc đấu giá do Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2: trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện).

- Bước 2. Tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

+ Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2) tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá 02 ngày làm việc.

+ Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá.

+ Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2) phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

+ Đối với hồ sơ được xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2) thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá.

- Bước 3. Nộp tiền đặt trước

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia cuộc đấu giá. Tiền đặt trước có thể nộp bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

+ Trường hợp nộp bằng tiền mặt, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nộp vào tài khoản thanh toán riêng của Tổ chức đấu giá tài sản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (TH1) hoặc nộp vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2);

+ Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2).

- Bước 4. Tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

+ Cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá;

+ Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc đấu giá viên tiến hành điều hành cuộc đấu giá theo quy định.

- Bước 5. Trình, phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sau khi kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Bước 6. Thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực khoáng sản được đấu giá.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá).

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (01 bản, theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC).

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính (01 bản, theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC).

+ Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (01 bản) và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá (01 bản, theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.

- Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức bán đấu giá tài sản (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá thì các cơ quan liên quan là các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

**h) Phí, lệ phí:** không

**i) Tên Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 02: Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 03: Bản cam kết thực hiện dự án (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản.

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

- Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá:

+ Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn;

+ Đã nộp tiền đặt trước theo quy định;

+ Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức cá nhân được tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

+ Tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá thì không được tham gia bất kỳ cuộc đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá đó.

- Đối tượng không được tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2012/NĐ-CP, cụ thể là:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

+ Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

#### **1) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC  
ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân): .....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.....tháng.....năm..(Đăng ký  
kinh doanh số.....ngày.....tháng.....năm... )

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: .....; Fax: .....

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản  
mà Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... thông báo tại khu vực mỏ:.....

.....  
.....

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ  
mời đấu giá, Quy chế đấu giá và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Ủy ban nhân  
dân tỉnh/thành phố ..... thông báo.

2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Ủy ban nhân dân  
tỉnh/thành phố. .... lựa chọn cho cuộc đấu giá.

3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các qui  
định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày.....tháng.....năm 20...

**(Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)**

Ký tên, đóng dấu

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC  
ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐĂNG KÝ ĐẦU GIÁ**  
**QUYỀN KHAI THÁC**  
**KHOÁNG SẢN**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----

### HỒ SƠ GIỚI THIỆU

**Năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản**

#### I. Thông tin chung:

##### 1. Tính pháp lý

###### (1) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

- a) Họ tên (họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)
- b) Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (số, ngày, nơi cấp)  
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)
- c) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- d) Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

###### (2) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:

- a) Tên doanh nghiệp/tổ chức
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập (Số, Ngày cấp, Nơi cấp)
- c) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:
  - Họ tên (họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)
  - Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (số, ngày, nơi cấp)
  - Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)
  - Chức vụ
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
  - Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

##### 2. Tổng số năm kinh nghiệm:

| Loại hình công việc | Số năm kinh nghiệm |
|---------------------|--------------------|
| - Thăm dò           |                    |
| - Khai thác         |                    |
| - Chế biến          |                    |
| - Khác              |                    |
| - .....             |                    |

**3. Năng lực tài chính** (3 năm gần nhất theo kết quả kiểm toán độc lập)

| TT |                      | Năm 20.. | Năm 20.. | Năm 20.. |
|----|----------------------|----------|----------|----------|
| 1  | Tổng tài sản         |          |          |          |
| 2  | Tổng nợ phải trả     |          |          |          |
| 3  | Tài sản ngắn hạn     |          |          |          |
| 4  | Nợ ngắn hạn          |          |          |          |
| 5  | Doanh thu            |          |          |          |
| 6  | Lợi nhuận trước thuế |          |          |          |
| 7  | Lợi nhuận sau thuế   |          |          |          |

**4. Bảng kê khai máy móc thiết bị khai thác, chế biến chủ yếu**

| Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) | Số lượng | Công suất | Năm sản xuất | Số thiết bị  |         | Chất lượng thực hiện nay |
|--------------------------------------|----------|-----------|--------------|--------------|---------|--------------------------|
|                                      |          |           |              | Thuộc sở hữu | Đi thuê |                          |
|                                      |          |           |              |              |         |                          |
|                                      |          |           |              |              |         |                          |
|                                      |          |           |              |              |         |                          |

**II. Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm**

- Nội dung dự án đầu tư (phác thảo).
- Giới thiệu về công nghệ của dự án (nếu có).
- Giới thiệu về năng lực kinh nghiệm: Kinh nghiệm của Nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư này hoặc có đơn vị có kinh nghiệm tham gia với Nhà đầu tư.
- Giới thiệu về năng lực tài chính thực hiện dự án.

**III. Kiến nghị và cam kết.**

- Kiến nghị của tổ chức, cá nhân.
- Cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Đại diện tổ chức, cá nhân**



(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC  
ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ**  
**QUYỀN KHAI THÁC**  
**KHOÁNG SẢN**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

### **BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Tên tổ chức, cá nhân:.....  
Địa chỉ: .....  
Số điện thoại: .....; Fax: .....  
Đại diện tổ chức, cá nhân: .....  
Chức vụ/nghề nghiệp:.....

### **CAM KẾT**

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước đưa ra mời đấu giá.

Nếu doanh nghiệp chúng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này, doanh nghiệp chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm 20...

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## **8. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp cho Tổ chức đấu giá tài sản (TH1: trường hợp cuộc đấu giá do Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2: trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện).

- Bước 2. Tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản

+ Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá 02 ngày làm việc.

+ Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá.

+ Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2) phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

+ Đối với hồ sơ được xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2) thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá.

- Bước 3. Nộp tiền đặt trước

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia cuộc đấu giá. Tiền đặt trước có thể nộp bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

+ Trường hợp nộp bằng tiền mặt, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nộp vào tài khoản thanh toán riêng của Tổ chức đấu giá tài sản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (TH1) hoặc nộp vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2);

+ Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2).

- Bước 4. Tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

+ Cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá;

+ Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc đấu giá viên tiến hành điều hành cuộc đấu giá theo quy định.

- Bước 5. Trình, phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sau khi kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Bước 6. Thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực khoáng sản được đấu giá.

**b) Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (01 bản, theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC).

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính (01 bản, theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC).

+ Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (01 bản) và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá (01 bản, theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.

- Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Tổ chức bán đấu giá tài sản (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá thì các cơ quan liên quan là các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 07b Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

**h) Phí, lệ phí:** không

**i) Tên Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);
- Mẫu số 02: Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);
- Mẫu số 03: Bản cam kết thực hiện dự án (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau:
  - + Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;
  - + Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản.
  - + Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.
- Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá:
  - + Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn;
  - + Đã nộp tiền đặt trước theo quy định;
  - + Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức cá nhân được tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

+ Tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá thì không được tham gia bất kỳ cuộc đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá đó.

- Đối tượng không được tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2012/NĐ-CP, cụ thể là:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

+ Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

#### **1) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC  
ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân): .....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.....tháng.....năm..(Đăng ký  
kinh doanh số.....ngày.....tháng.....năm... )

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: .....; Fax: .....

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản  
mà Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... thông báo tại khu vực mỏ:.....

.....  
.....

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ  
mời đấu giá, Quy chế đấu giá và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Ủy ban nhân  
dân tỉnh/thành phố ..... thông báo.
2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Ủy ban nhân dân  
tỉnh/thành phố. .... lựa chọn cho cuộc đấu giá.
3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các qui  
định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày.....tháng.....năm 20...

**(Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)**

Ký tên, đóng dấu

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC  
ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐĂNG KÝ ĐẦU GIÁ**  
**QUYỀN KHAI THÁC**  
**KHOÁNG SẢN**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU**

**Năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản**

**I. Thông tin chung:**

**1. Tính pháp lý**

**(1) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

- a) Họ tên (họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)
- b) Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (số, ngày, nơi cấp)  
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)
- c) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- d) Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

**(2) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:**

- a) Tên doanh nghiệp/tổ chức
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập (Số, Ngày cấp, Nơi cấp)
- c) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:
  - Họ tên (họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)
  - Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (số, ngày, nơi cấp)
  - Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)
  - Chức vụ
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
  - Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

**2. Tổng số năm kinh nghiệm:**

| <b>Loại hình công việc</b> | <b>Số năm kinh nghiệm</b> |
|----------------------------|---------------------------|
| - Thăm dò                  |                           |
| - Khai thác                |                           |
| - Chế biến                 |                           |
| - Khác                     |                           |
| - .....                    |                           |

**3. Năng lực tài chính** (3 năm gần nhất theo kết quả kiểm toán độc lập)

| TT |                      | Năm 20.. | Năm 20.. | Năm 20.. |
|----|----------------------|----------|----------|----------|
| 1  | Tổng tài sản         |          |          |          |
| 2  | Tổng nợ phải trả     |          |          |          |
| 3  | Tài sản ngắn hạn     |          |          |          |
| 4  | Nợ ngắn hạn          |          |          |          |
| 5  | Doanh thu            |          |          |          |
| 6  | Lợi nhuận trước thuế |          |          |          |
| 7  | Lợi nhuận sau thuế   |          |          |          |

**4. Bảng kê khai máy móc thiết bị khai thác, chế biến chủ yếu**

| Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu) | Số lượng | Công suất | Năm sản xuất | Số thiết bị  |         | Chất lượng thực hiện nay |
|--------------------------------------|----------|-----------|--------------|--------------|---------|--------------------------|
|                                      |          |           |              | Thuộc sở hữu | Đi thuê |                          |
|                                      |          |           |              |              |         |                          |
|                                      |          |           |              |              |         |                          |
|                                      |          |           |              |              |         |                          |

**II. Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm**

- Nội dung dự án đầu tư (phác thảo).
- Giới thiệu về công nghệ của dự án (nếu có).
- Giới thiệu về năng lực kinh nghiệm: Kinh nghiệm của Nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư này hoặc có đơn vị có kinh nghiệm tham gia với Nhà đầu tư.
- Giới thiệu về năng lực tài chính thực hiện dự án.

**III. Kiến nghị và cam kết.**

- Kiến nghị của tổ chức, cá nhân.
- Cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Đại diện tổ chức, cá nhân**



(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC  
ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ**  
**QUYỀN KHAI THÁC**  
**KHOÁNG SẢN**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

### **BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Tên tổ chức, cá nhân:.....  
Địa chỉ: .....  
Số điện thoại: .....; Fax: .....  
Đại diện tổ chức, cá nhân: .....  
Chức vụ/nghề nghiệp:.....

### **CAM KẾT**

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước đưa ra mời đấu giá.

Nếu doanh nghiệp chúng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này, doanh nghiệp chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm 20...

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC  
ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

### QUYẾT ĐỊNH

#### VỀ VIỆC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TRÚNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...

- Căn cứ quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Căn cứ Biên bản đấu giá của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tổ chức ngày...tháng...năm 20...

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...),

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác (tên, loại khoáng sản) tại khu vực: (vị trí, tọa độ, diện tích khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản)

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá:
2. Giá trúng đấu giá: ..... đồng (% mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).
3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá  
.....
4. Diện tích huyện (tên huyện) chiếm ...%. Diện tích huyện (tên huyện) chiếm.. %.

**Điều 2.** Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản trước ngày...tháng...năm 20...

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ theo quy định cấp phép, trình cấp phép...

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- (Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá);
- Tổng cục ĐC&KSVN;
- Lưu: HS, VT. ( ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
(Ký tên, đóng dấu)

## **9. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị gia hạn

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 08 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 25 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

(2) **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn

- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)  
 - (Mẫu số 25 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**h) Phí, lệ phí:**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

| Số TT    | Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản   | Mức thu<br>(đồng/giấy phép) |
|----------|---|-----------------------------|
| <b>1</b> | Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối  |                             |
| a        | Có công suất khai thác dưới 5.000 m <sup>3</sup> /năm   | 500.000                     |
| b        | Có công suất khai thác từ 5.000 m <sup>3</sup> đến 10.000 m <sup>3</sup> /năm   | 5.000.000                   |
| c        | Có công suất khai thác trên 10.000 m <sup>3</sup> /năm  | 7.500.000                   |
| <b>2</b> | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp   |                             |
| a        | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm   | 7.500.000                   |
| b        | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này | 10.000.000                  |
| c        | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này   | 15.000.000                  |
| <b>3</b> | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng   | 20.000.000                  |
| <b>4</b> | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này  |                             |
| a        | Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp   | 20.000.000                  |
| b        | Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp  | 25.000.000                  |

| Số TT | Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản  | Mức thu<br>(đồng/giấy phép) |
|-------|--|-----------------------------|
| 5     | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này | 30.000.000                  |
| 6     | Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm  | 40.000.000                  |
| 7     | Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại   | 50.000.000                  |

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 08: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 25, phụ lục 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân đề nghị giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) được xem xét gia hạn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản, cụ thể:

+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

+ Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

+ Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

- Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật có liên quan.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn, kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo phải phù hợp với Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân/thành phố....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác ... (tên khoáng sản) tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Ủy ban nhân dân/thành phố

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: .....năm, đến ngày ... tháng ... năm...

Trữ lượng còn lại:..... (tấn, m<sup>3</sup>,. ).

Lý do đề nghị gia hạn.....

.....  
(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)



(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
Khai thác khoáng sản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ...../.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....

## BÁO CÁO

### HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân/thành phố....

#### I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: .....
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác ..);
3. Địa chỉ:..... ;  
Điện thoại: .....; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên.....;
  - Năm sinh..... ;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
  - Loại khoáng sản được phép khai thác: .....
  - Cơ quan cấp phép. ....;
  - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn) ....., huyện (thị xã, thành phố) .....,tỉnh (thành phố) .....
  - Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/. ....);
  - Diện tích khu vực khai thác:..... (m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);
  - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức..... m;
  - Trữ lượng được phép khai thác:
    - + Trữ lượng địa chất .....(tấn, m<sup>3</sup>),
    - + Trữ lượng khai thác .....(tấn, m<sup>3</sup>);
  - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày, đêm);
  - Thời hạn Giấy phép khai thác:.....(tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...
  - Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác: .....
- Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường) ....., huyện (thị xã, thành phố)....., tỉnh (thành phố)..... ;
- Phương pháp tiếp tục khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/....);
- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác: ..... ( $m^2$ , ha,  $km^2$ );
- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức .....m, đến mức. .... m;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
  - + Trữ lượng địa chất .....(tấn,  $m^3$ ),
  - + Trữ lượng khai thác .....(tấn,  $m^3$ );
- Công suất được phép tiếp tục khai thác:.....(tấn/năm,  $m^3$ /năm,  $m^3$ /ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .....(tháng, năm);

## **II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản**

### **II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm**

....

**II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng.... năm.....** (từ khi được cấp phép) **đến ngày.... tháng.... năm ...** (thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản). ....(VND);
  2. Tổng vốn đầu tư ..... (VND);
  3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: .....(VND);
  4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm.....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):..... (tấn,  $m^3$ );
  5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ..... (VND/tấn,  $m^3$ );
  6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế...../thực tế: .....
  7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
    - Khối lượng..... (tấn,  $m^3$ ), hàm lượng khoáng sản nguyên khai ...../(tấn,  $m^3$ ) đưa vào tuyển, làm giàu::
    - Khối lượng..... (tấn,  $m^3$ ), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: ..... (tấn,  $m^3$ );
    - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được ..... (tấn,  $m^3$ );
  8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn,  $m^3$ );
  9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo:.....(tấn,  $m^3$ );
  10. Tổng doanh thu: ..... (VND);
  11. Nộp ngân sách Nhà nước:..... (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên:..... (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản. ....(VND);
  - Thuế môi trường: ..... (VND);
  - Tiền thuê đất: ..... (VND)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:..... (VND);
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .....(VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp.... (VND).
- Khác (nếu có): .....

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. .... (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản ..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm.... ) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):..... (tấn, m<sup>3</sup>).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):..... (tấn, m<sup>3</sup>), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác..... (tấn, m<sup>3</sup>);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m<sup>3</sup>);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...): ..... (tấn, m<sup>3</sup>).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản. ....;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm..... ;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

### **III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo**

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày.....tháng.....năm....

2. Thời gian khai thác: .....tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /GP-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
**(GIA HẠN)**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... cấp cho.... (tên tổ chức, cá nhân);

Căn cứ Công văn số.....ngày.....tháng.....năm. ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...(Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...) (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân).....ngày.....tháng.....năm ..... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản số ... /GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... đề (**Tên tổ chức, cá nhân**)..... được tiếp tục khai thác (tên khoáng sản) ... tại xã ..., huyện ...,tỉnh.... đến ngày ... tháng ... năm ...

**Điều 2. (tên tổ chức, cá nhân).....** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm... ;

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số... /GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ..... Kết thúc khai thác, thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ... /GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng .... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...

**Nơi nhận:**

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

**BỘ TRƯỞNG**  
**(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...**  
**CHỦ TỊCH)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác số /GP-BTNMT/UBND  
ngày ... tháng ... năm ..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/  
Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)*

| <b>Điểm góc</b>          | <b>Hệ tọa độ VN-2000</b><br><i>(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)</i> |              |
|--------------------------|---|--------------|
|                          | <b>X (m)</b>  | <b>Y (m)</b> |
| 1                        |   |              |
| 2                        |   |              |
| ...                      |   |              |
| n                        |   |              |
| <b>Diện tích: ... ha</b> |   |              |

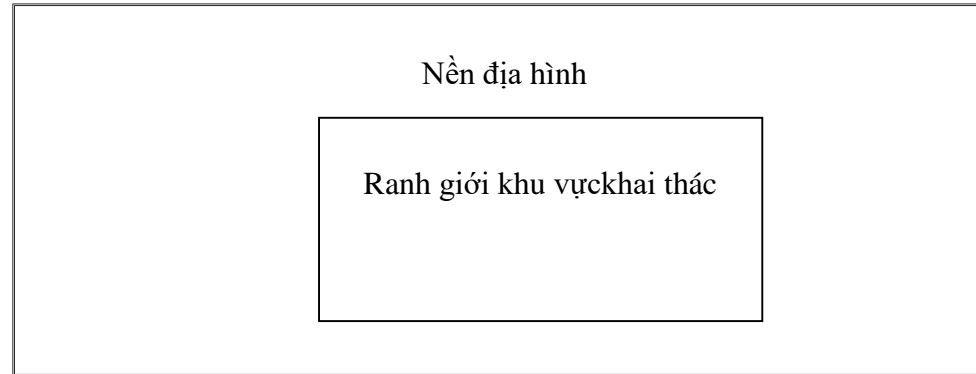
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...****BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....  
(Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-UBND ngày.... tháng.....năm... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. )

CHỈ DẪN

**Tọa độ các điểm khép góc**

| Điểm góc         | Hệ VN2000, kinh tuyến trực...múi chiều... |      |
|------------------|---|------|
|                  | X(m)                                      | Y(m) |
| 1                |   |      |
| 2                |   |      |
| ...              |   |      |
| Diện tích: ...ha |   |      |



Khung tọa độ

Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trực. , múi chiều..., số hiệu. ”

## **10. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1. Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

#### **- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ**

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

#### **- Bước 3: Thẩm định hồ sơ**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

#### **- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị cho phép chuyển nhượng**

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

#### **- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 10 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);



- Bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng;

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng (*Mẫu số 24 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả khai thác nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài).

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng

- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng.

Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 24 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

**h) Phí, lệ phí:**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

| Số TT    | Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản   | Mức thu (đồng/giấy phép) |
|----------|---|--------------------------|
| <b>1</b> | Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối  |                          |
| a        | Có công suất khai thác dưới 5.000 m <sup>3</sup> /năm   | 500.000                  |
| b        | Có công suất khai thác từ 5.000 m <sup>3</sup> đến 10.000 m <sup>3</sup> /năm   | 5.000.000                |
| c        | Có công suất khai thác trên 10.000 m <sup>3</sup> /năm  | 7.500.000                |
| <b>2</b> | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp   |                          |
| a        | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm   | 7.500.000                |
| b        | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này | 10.000.000               |
| c        | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này   | 15.000.000               |
| <b>3</b> | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ôp lát và nước khoáng   | 20.000.000               |

| Số TT | Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản  | Mức thu<br>(đồng/giấy phép) |
|-------|--|-----------------------------|
| 4     | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này |                             |
| a     | Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp  | 20.000.000                  |
| b     | Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp   | 25.000.000                  |
| 5     | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này   | 30.000.000                  |
| 6     | Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm  | 40.000.000                  |
| 7     | Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại   | 50.000.000                  |

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 10: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 24 Phụ lục 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 53 Luật khoáng sản, bao gồm:

+ Có đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã.

+ Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã khai thác, phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 10 của Luật khoáng sản. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

+ Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

- Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản đã hoàn thành công việc quy định tại khoản 1 Điều 66 và các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản, bao gồm:

+ Đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác;

- + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;
- + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;
- + Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;
- + Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;
  - Khu vực được phép khai thác không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khoáng sản.
  - Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.

#### **D) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
  - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
  - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
  - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;
  - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC  
KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân tỉnh/thành phố...

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép khai thác khoáng sản ...(tên khoáng sản) tại xã .... huyện... tỉnh.... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày .... tháng ... năm .... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....)

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho:

..... (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm... do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do .... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số.... ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng**

(Ký tên, đóng dấu)

**Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....

**BÁO CÁO  
HOẠT ĐỘNG KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN VÀ  
KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAİ THÁC**  
(Trong trường hợp chuyển nhượng, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)  
Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

**I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân:..... ;
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác ..);
3. Địa chỉ:..... ;  
Điện thoại: .....; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên.....;
  - Năm sinh..... ;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
  - Loại khoáng sản được phép khai thác: .....
  - Cơ quan cấp phép. ....;
  - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn) ....., huyện (thị xã, thành phố) .....,tỉnh (thành phố) .....
  - Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/ ..);
  - Diện tích khu vực khai thác:..... (m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);
  - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức..... m;
  - Trữ lượng được phép khai thác:
    - + Trữ lượng địa chất .....(tấn, m<sup>3</sup>),
    - + Trữ lượng khai thác .....(tấn, m<sup>3</sup>);
  - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày, đêm);
  - Thời hạn Giấy phép khai thác:.....(tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...
  - Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác: .....
- Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường) ....., huyện (thị xã, thành phố)....., tỉnh (thành phố)..... ;
- Phương pháp tiếp tục khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/....);
- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác: ..... (m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);
- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức .....m, đến mức. .... m;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
  - + Trữ lượng địa chất .....(tấn, m<sup>3</sup>),
  - + Trữ lượng khai thác .....(tấn, m<sup>3</sup>);
- Công suất được phép tiếp tục khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .....(tháng, năm);

## **II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản**

### **II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm**

....

**II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng.... năm. ....** (từ khi được cấp phép) **đến ngày.... tháng.... năm...** (thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản). .... (VND);
  2. Tổng vốn đầu tư ..... (VND);
  3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: .....(VND);
  4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng....năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng....năm.....) .....(tấn, m<sup>3</sup>);
  5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ..... (VND/tấn, m<sup>3</sup>);
  6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế...../thực tế: .....
  7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
    - Khối lượng..... (tấn, m<sup>3</sup>), hàm lượng khoáng sản nguyên khai ...../(tấn, m<sup>3</sup>) đưa vào tuyển, làm giàu;;
    - Khối lượng..... (tấn, m<sup>3</sup>), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
    - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo:.....(tấn, m<sup>3</sup>);
  10. Tổng doanh thu: ..... (VND);
  11. Nộp ngân sách Nhà nước:..... (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên:..... (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản. .... (VND);
  - Thuế môi trường: ..... (VND);
  - Tiền thuê đất: ..... (VND)
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp. ... (VND).
- Khác (nếu có): .....

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản..... (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí khai thác khoáng sản ..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm ... ) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....).....(tấn, m<sup>3</sup>).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):..... (tấn, m<sup>3</sup>), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác.....(tấn, m<sup>3</sup>);
- Trữ lượng địa chất tăng giảm do khai thác nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. .... (tấn, m<sup>3</sup>);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...): ..... (tấn, m<sup>3</sup>).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm..... ;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

### **III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo**

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày.....tháng.....năm....
2. Thời gian khai thác: ..... tháng/năm.
3. Sản lượng khai thác
- ... (dự kiến theo từng năm)

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)



(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ**

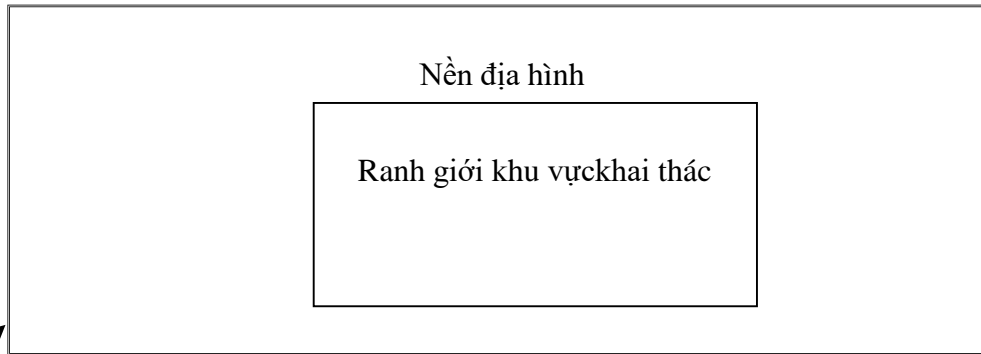
**BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**Tọa độ các điểm khép góc**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....  
(Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-UBND ngày.... tháng.....năm... của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

|                  |  |      |
|------------------|--|------|
| Điểm góc         | Hệ VN2000, kinh tuyến trục...múi chiếu ... |      |
|                  | X(m)                                       | Y(m) |
| 1                |  |      |
| 2                |  |      |
| ...              |  |      |
| Diện tích: ...ha |  |      |



Khung tọa độ

Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu. .”

## **12. Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (*Mẫu số 09 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 34, phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 24 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 36, mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016*);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ hoặc đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác, trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Mẫu số 02, mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016*);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:** không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

- Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác (trả lại một phần khu vực khai thác) khoáng sản (*Mẫu số 34 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 09: Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 36: Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 43 Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)

- Mẫu số 34, phụ lục 2: Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích giấy phép khai thác và diện tích còn lại tiếp tục khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC  
KHOÁNG SẢN)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại (Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng..... năm...../một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản của Giấy phép số ..... ngày.... tháng..... năm.....) do Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh. ) cấp tại mỏ .....(tên mỏ) thuộc xã ..... huyện ..... tỉnh .....

*Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khai thác cần phải có các thông tin sau:*

- Diện tích được cấp phép khai thác ..... (ha, km<sup>2</sup>).

- Diện tích đề nghị trả lại: ..... (ha, km<sup>2</sup>).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác:.....(ha, km<sup>2</sup>).

(Diện tích đề nghị trả lại và khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ kèm theo).

Lý do đề nghị trả lại.....

.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
Khai thác khoáng sản)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....

**BÁO CÁO (ĐỊNH KỲ)  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi : .....

**I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác: .....
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác ..);

*Đăng ký doanh nghiệp số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....).*

3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại: ..... ; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên. ....;
  - Năm sinh.....;
  - Trình độ chuyên môn.....

**II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....**

**II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....**

**A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản**

1. Loại khoáng sản được phép khai thác. ....;
2. Cơ quan cấp phép. ....;
3. Diện tích khu vực khai thác: ..... (m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);
4. Phương pháp khai thác: .....(lộ thiên, hầm lò);
5. Độ cao khai thác: từ .....m, đến ..... m;
6. Trữ lượng được phép khai thác:
  - Trữ lượng địa chất..... (tấn, m<sup>3</sup>),
  - Trữ lượng khai thác..... (tấn, m<sup>3</sup>);
7. Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày, đêm);

8. Thời hạn giấy phép: (tháng, năm);

9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....(VND); *Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số.....ngày...tháng...năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố....*

10. Vị trí mỏ: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh ;

*B. Hoạt động khai thác khoáng sản*

11. Tổng vốn đầu tư (VND);

12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản .....(VND).

13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12: (tấn, m<sup>3</sup>);

14. Giá thành khai thác trung bình trong năm (VND/tấn, m<sup>3</sup>);

15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế: ;

16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);

17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): . (tấn, m<sup>3</sup>);

18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm (tấn, m<sup>3</sup>);

19. Tổng doanh thu: ..... (VND);

20. Nộp ngân sách Nhà nước: . (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên:.....(VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản..... (VND);

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp. (VND).

- Khác (nếu có): .....

21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. (VND).

22. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản ..... (VND);

*C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác*

23. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

24. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm..... ;

25. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) . ;



26. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....). ;

27. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

*D. Đánh giá chung*

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

**II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số: ...ngày...tháng....năm (nếu có)**

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).....

.....

**III. Đề xuất, kiến nghị**

**Tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN)**

**CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....

## **BÁO CÁO**

### **HOẠT ĐỘNG KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAİ THÁC**

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

#### **I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân:..... ;
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác ..);
3. Địa chỉ:..... ;  
Điện thoại: .....; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên.....;
  - Năm sinh..... ;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
  - Loại khoáng sản được phép khai thác: .....
  - Cơ quan cấp phép. ....;
  - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn) ....., huyện (thị xã, thành phố) .....,tỉnh (thành phố) .....
  - Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/ ..);
  - Diện tích khu vực khai thác:..... (m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);
  - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức..... m;
  - Trữ lượng được phép khai thác:
    - + Trữ lượng địa chất .....(tấn, m<sup>3</sup>),
    - + Trữ lượng khai thác .....(tấn, m<sup>3</sup>);
  - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày, đêm);
  - Thời hạn Giấy phép khai thác:.....(tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...
  - Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác: .....
- Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường) ....., huyện (thị xã, thành phố)....., tỉnh (thành phố)..... ;
- Phương pháp tiếp tục khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/....);
- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác: ..... (m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);
- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức .....m, đến mức. .... m;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
  - + Trữ lượng địa chất .....(tấn, m<sup>3</sup>),
  - + Trữ lượng khai thác .....(tấn, m<sup>3</sup>);
- Công suất được phép tiếp tục khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .....(tháng, năm);

## **II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản**

### **II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm**

....

**II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng.... năm ....** (từ khi được cấp phép) **đến ngày.... tháng.... năm ...** (thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản). ....(VND);
  2. Tổng vốn đầu tư ..... (VND);
  3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: .....(VND);
  4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm.....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....)..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ..... (VND/tấn, m<sup>3</sup>);
  6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế...../thực tế: .....
  7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
    - Khối lượng..... (tấn, m<sup>3</sup>), hàm lượng khoáng sản nguyên khai ..... /(tấn, m<sup>3</sup>) đưa vào tuyển, làm giàu::;
    - Khối lượng..... (tấn, m<sup>3</sup>), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
    - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo:.....(tấn, m<sup>3</sup>);
  10. Tổng doanh thu: ..... (VND);
  11. Nộp ngân sách Nhà nước:..... (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên:..... (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản. ....(VND);
  - Thuế môi trường: ..... (VND);
  - Tiền thuê đất: ..... (VND)
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác

khoáng sản ..... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản..... (VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp... (VND).
- Khác (nếu có): .....

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản..... (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản ..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm ... ) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....)..... (tấn, m<sup>3</sup>).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):..... (tấn, m<sup>3</sup>), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác.....(tấn, m<sup>3</sup>);
- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m<sup>3</sup>);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...): ..... (tấn, m<sup>3</sup>).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm..... ;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

### **III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo**

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày.....tháng.....năm....
2. Thời gian khai thác: ..... tháng/năm.
3. Sản lượng khai thác  
... (dự kiến theo từng năm)

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../QĐ-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/một phần diện tích khai thác khoáng sản của (Tên tổ chức, cá nhân).....ngày.... tháng.... năm kèm theo báo cáo kết quả hoạt động khai thác .... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố ...;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm .... (trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản....theo Giấy phép khai thác số...,ngày...tháng... năm ..)

*Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản cần quy định cụ thể:*

- Diện tích được phép trả lại..... (ha, km<sup>2</sup>); trữ lượng:.....(tấn, m<sup>3</sup>, ..).

- Diện tích tiếp tục khai thác..... (ha, km<sup>2</sup>), trữ lượng:.....(tấn, m<sup>3</sup>, ..).

(được giới hạn bởi các điểm khép góc.... có tọa độ theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Quyết định này).

- Thời hạn khai thác:.....năm, đến ngày... tháng... năm....

**Điều 2.** Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản ở khu vực (theo Giấy phép đã trả lại hoặc trên diện tích khai thác đã trả lại) và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo kết quả khai thác, tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...) theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện việc đóng cửa mỏ để thanh lý (hoặc để bảo vệ); các biện pháp phục hồi môi trường đất đai và các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật.

*(Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác cần quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thông báo việc thực hiện Quyết định cho phép trả lại và kế hoạch khai thác, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật)*

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

**BỘ TRƯỞNG**  
**(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...**  
**CHỦ TỊCH)**  
(Ký tên, đóng dấu)



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH  
GIẤY PHÉP KHAI THÁC VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP  
TỤC KHAI THÁC**

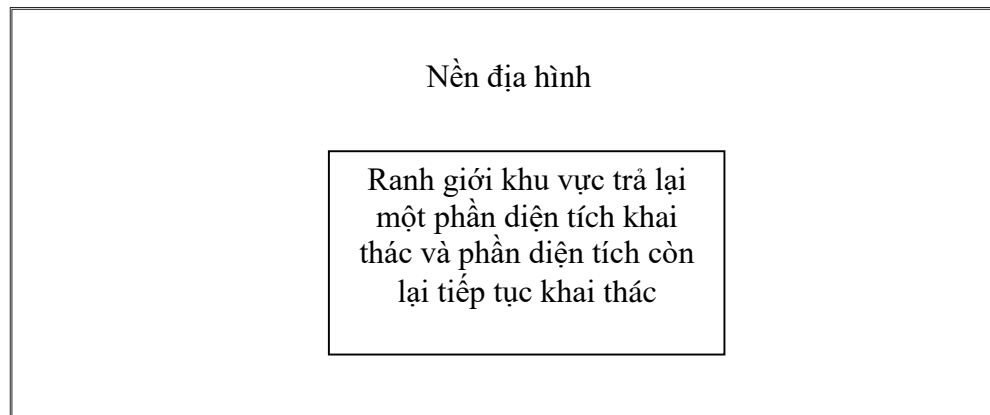
CHỈ DẪN

**Tọa độ các điểm khép góc**

|                            |  |      |
|----------------------------|--|------|
| Điểm góc                   | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu... |      |
|                            | X(m)                                       | Y(m) |
| Khu vực tiếp tục khai thác |  |      |
| 1                          |  |      |
| 2                          |  |      |
| ...                        |  |      |
| Diện tích: ... ha          |  |      |
| Khu vực trả lại            |  |      |
| 1                          |  |      |
| 2                          |  |      |
| ...                        |  |      |
| Diện tích: ... ha          |  |      |

Khung tọa độ

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....  
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.... tháng ...  
năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....



Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ ..,  
kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu. ”



## **12. Đóng cửa mỏ khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1. Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

#### **- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ**

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định hoặc đủ nhưng chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

#### **- Bước 3. Thẩm định hồ sơ**

Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kết quả xem xét hồ sơ lấy ý kiến nhận xét phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). Sau khi nhận được ý kiến nhận xét, phản biện, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức phiên họp Hội đồng.

Kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định.

#### **- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kết quả thẩm định hoàn chỉnh hồ sơ, lập Tờ trình, trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

#### **- Bước 5. Trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ**

Sau khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

- Bước 6. Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đóng cửa mỏ theo đúng đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

#### **- Bước 7. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền

phê duyệt có văn bản báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản và đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

Kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hoàn trả tiền ký quỹ phục hồi môi trường, cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa để xác minh kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Bước 8. Trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

- Bước 9. Quyết định đóng cửa mỏ

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Bước 10. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện, hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 20 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 02 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (*Mẫu số 32, Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*);

- Bản chính Báo cáo tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: phương án cải tạo, phục hồi

môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** không quá 78 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

- Thời hạn thẩm định đề án đóng cửa mỏ: không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày có Phiếu tiếp nhận hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung đề án đóng cửa mỏ và các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên, nếu không có văn bản trả lời coi như đã đồng ý.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện và cơ quan liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quyết định thời điểm tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định.

- Thời hạn trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

+ Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời gian không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng hoặc nhận được văn bản bổ sung, hoàn chỉnh đề án của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt đề án; trường hợp không phê duyệt đề án, phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

- Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Thời hạn nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hoàn trả tiền ký quỹ phục hồi môi trường, cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa để xác minh kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thời hạn trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra thực địa về kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thời hạn ban hành Quyết định đóng cửa mỏ: Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Chi cục Bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và Quyết định về việc đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. (Mẫu số 31; Mẫu số 32 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**h) Phí, lệ phí:** Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 20: Đơn đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/Đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 02: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 32 Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 82 Luật khoáng sản phê duyệt trước khi thực hiện.

- Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng.

- Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN  
(ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC  
KHOÁNG SẢN)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/Thành phố....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày... tháng..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) tại mỏ (tên mỏ) ..... thuộc xã ..... huyện ..... tỉnh ....

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ: ... ha (km<sup>2</sup>)

Lý do đóng cửa mỏ/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:.....

*(Đối với trường hợp đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):*

- Diện tích đề nghị đóng cửa là: .....(ha, km<sup>2</sup>).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục hoạt động khai thác là:.....(ha, km<sup>2</sup>).

Diện tích khu vực đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa và khu vực tiếp tục được hoạt động khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
**(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)**  
*ghi theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản*

**Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...**

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)  
*ghi theo nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
(Chức danh)

**ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)**  
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*  
(**Họ và tên**)

*Chữ ký, đóng dấu*  
(**Họ và tên**)

**Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...**



# **NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Cơ sở để lập Đề án đóng cửa mỏ.....:**

- Giấy phép khai thác khoáng sản số. ;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm....., của. ;
- Thiết kế mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày tháng năm 20.....của. ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ.....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số.....ngày.....tháng.....năm.....của. ;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm (có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng.

### **2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ**

#### **2.1. Mục đích**

Nêu mục đích của việc lập Đề án đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng của toàn bộ khu vực khai thác), làm rõ:

- Đưa khu vực khai thác trở lại trạng thái an toàn (như: bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác...đối với khai thác lộ thiên; hay phá hóa toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển, v.v...đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò v.v. ).

- Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã duyệt và trả lại diện tích đất cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai hay sử dụng cho mục đích khác v.v Đối với mục tiêu đã lựa chọn cần trình bày rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đạt được.

#### **2.2. Nhiệm vụ**

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ cụ thể mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên.

## **CHƯƠNG I**

### **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN**

#### **1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ**

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện Đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

## **2. Lịch sử khai thác mỏ**

Nêu khái quát quá trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập Đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

## **CHƯƠNG II**

### **HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ**

#### **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

##### ***1.1. Các thông tin cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ***

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (toạ độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của Dự án đầu tư.

##### ***1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ***

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa Dự án đầu tư và *Thiết kế mỏ* theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

##### ***1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế***

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo Dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với Dự án đầu tư, Thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v. ;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cảm kết bảo vệ môi trường hoặc *Phương án cải tạo, phục hồi môi trường* trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ**

Nêu hiện trạng về các công trình phụ trợ khai thác mỏ (văn phòng, kho, sân bãi chứa đất đá, khoáng sản; đường xá, cầu cống v.v...); các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực khai thác khoáng sản dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường...trong quá trình khai thác và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng mỏ tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ: số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ (kể cả các bãi thải);

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cảm kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

Kèm theo các tài liệu, bản vẽ chứng minh các số liệu nêu trên gồm:

- Các bản vẽ, mặt cắt thể hiện cấu trúc địa chất, đặc điểm địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực tại thời điểm đóng cửa mỏ;

- Toàn bộ bản vẽ, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác mỏ hàng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác đến thời điểm đóng cửa mỏ;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (moong khai thác, đường lò chợ v.v...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.

## **3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):**

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép.

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan).

## **CHƯƠNG III**

### **PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ**

#### **1. Phương án đóng cửa mỏ**

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ như đã nêu trên cũng như theo từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực triển khai Đề án đóng cửa mỏ; hiện trạng công

trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác (tính đến thời điểm đóng cửa mỏ), tổ chức, cá nhân phải xây dựng các phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi; công tác đóng cửa mỏ phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan;

Theo đó, mô tả khái quát từng phương án đề xuất; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Mỗi phương án xây dựng một bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của từng phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...). Lựa chọn phương án tối ưu.

## **2. Khối lượng đóng cửa mỏ**

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ, kể cả các bãi thải của mỏ và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp phục hồi đất đai và môi trường liên quan; số lượng, khối lượng đất màu, cây xanh (nếu có) cần sử dụng trong quá trình đóng cửa mỏ; nêu rõ sự thay đổi, phương án lựa chọn và lý do thay đổi so với Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

## **III. Tiến độ thực hiện**

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

- Cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường và khu vực khai thác mỏ sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

## **CHƯƠNG IV**

### **DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔ CHỨC THI CÔNG**

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của Đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công Đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

## KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

## PHAN PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục các bản vẽ:

| TT  | Tên bản vẽ   |
|-----|--|
| 1   | Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000  |
| 2   | Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác   |
| 3   | Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư   |
| 4   | Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..) |
| 5   | Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ  |
| 6   | Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ  |
| 7   | Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải  |
| 8   | Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v...  |
| 9   | Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)                   |
| ... | Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường)   |

### 2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án/Dự án/Đề án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản;
- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;
- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;
- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);
- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;
- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

Mẫu số 31

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) ....., xã ....., huyện ..., tỉnh ...**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** **(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số.../.../ND-CP ngày... tháng...năm...của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày...tháng năm ...;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số .../... ngày .. tháng .. năm của ..... cho phép ..... được khai thác mỏ ....., xã ....., huyện ....., tỉnh ..;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ theo Quyết định số ... ngày ... tháng .... năm .... của ... về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ ... của. (tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ);

Xét Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ ngày ... tháng.... năm... của....(tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ) nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ....),

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích

khu vực khai thác khoáng sản) ....., xã ....., huyện ..., tỉnh ... đã cấp cho .. theo Giấy phép khai thác khoáng sản số .../... ngày .. tháng .. năm. của ..... với các nội dung cơ bản sau đây:

- Mục đích đóng cửa mỏ: Để quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (hoặc thanh lý tài nguyên thuộc phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng) và giao đất (thu hồi) cho Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... để quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường các khu vực đã khai thác.

- Diện tích đóng cửa mỏ: ... ha, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực ..., múi chiếu. , có tọa độ các điểm khếp góc nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

- Khối lượng thực hiện: theo đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh/thành phố...) thẩm định và thông qua.

- Thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ: tháng;

- Kinh phí thực hiện đóng cửa mỏ...đồng, từ nguồn. ;

- Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ... (nêu rõ tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác - nêu rõ tên tổ chức, cá nhân thực hiện trong trường hợp này).

**Điều 2. (Tổ chức, cá nhân).** có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ khối lượng và đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt;

2. Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

3. Báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ... khi hoàn thành đề án để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ ;

4. Đề nghị đóng cửa mỏ/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố .., (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...), (tổ chức, cá nhân) và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC&KS VN;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;

.....

- Lưu VT, HS, KS.

**BỘ TRƯỞNG**  
**(TM.UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...**  
**CHỦ TỊCH)**





Mẫu số 32

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../QĐ-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) ....., xã ....., huyện ....., tỉnh ...**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** **(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số .../... ngày .. tháng .. năm ... của ..... cho phép ..... được khai thác mỏ ....., xã ....., huyện ....., tỉnh ..;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày .. tháng ... năm .. của .... về việc phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ ....., xã ....., huyện ....., tỉnh .. của.....;

Trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm tra công tác đóng cửa mỏ tại mỏ ....., xã ....., huyện ....., tỉnh .. kèm Biên bản kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ .....

Xét Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản ngày ... tháng ... năm ... của ..... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh /thành phố. ..),

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) ....., xã ....., huyện ....., tỉnh ... đã cấp cho .. theo Giấy phép khai thác khoáng sản số .../... ngày .. tháng .. năm của .....

Mục đích đóng cửa mỏ: để quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (hoặc thanh lý tài nguyên thuộc phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng) và giao đất (thu hồi) cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố ... để quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

Diện tích đóng cửa khai trường: ... ha, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 số hiệu .... hệ VN 2000 kinh tuyến trực ..., múi chiếu .., có tọa độ các điểm khép góc theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Quyết định này.

**Điều 2. (Tổ chức, cá nhân)...** đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường đối với các nội dung như sau:

(Liệt kê các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được hoàn thành và số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường được hoàn trả).

**Điều 3. (Tổ chức, cá nhân).** có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

2. Hoàn tất việc thanh lý hợp đồng thuê đất và các hợp đồng khác liên quan tới việc thực hiện khai thác khoáng sản phần diện tích khu vực khai thác được đóng cửa theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo thời hạn trong đề án đóng cửa mỏ, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .., (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...), (tổ chức, cá nhân) và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;

.....  
- Lưu VP, KS.

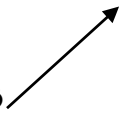
**BỘ TRƯỞNG**  
**(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...**  
**CHỦ TỊCH)**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...**

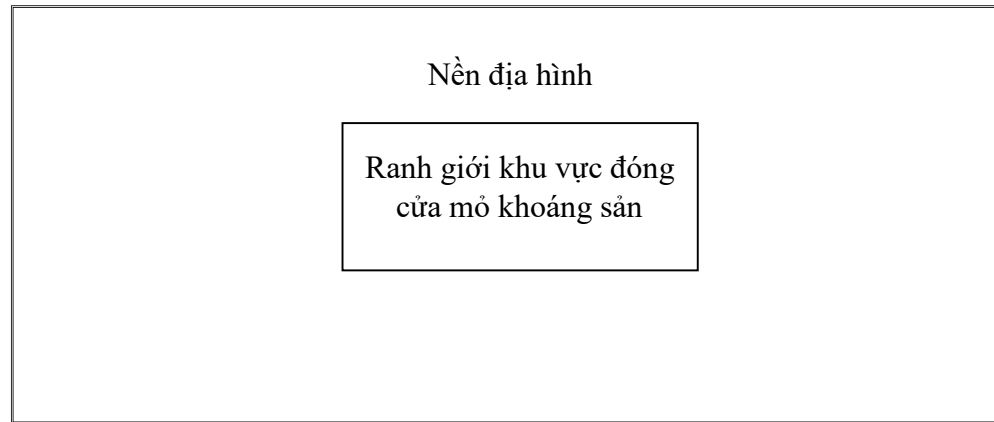
**Tọa độ các điểm khép góc**

| Điểm góc          | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu... |      |
|-------------------|--|------|
|                   | X(m)                                       | Y(m) |
| 1                 |  |      |
| 2                 |  |      |
| ...               |  |      |
| Diện tích: ... ha |  |      |

Khung tọa độ 

**BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....  
 (Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày... tháng.....năm ... của UBND tỉnh/thành phố...

CHỈ DẪN



Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ.. ,  
 kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu. ”

### **13. Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

##### **- Bước 1. Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

##### **- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ**

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

##### **- Bước 3. Thẩm định hồ sơ**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

##### **- Bước 4. Trình hồ sơ cấp phép**

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

##### **- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 13 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Bản đề khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29, Phụ lục số 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Bản chính Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt.

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** không quá 33 ngày làm việc

- Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

- Thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

- Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

**h) Phí, lệ phí:**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 13: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành

kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 29 Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại: .....Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm... do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do .... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu (tên khoáng sản).....tại xã..... huyện..... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:.....(ha, km<sup>2</sup>), được giới hạn bởi các điểm góc: .....có toạ độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:.....(tấn, m<sup>3</sup>, ..).

Trữ lượng khai thác: ..... (tấn, m<sup>3</sup>, .. )

Công suất khai thác:..... (tấn, m<sup>3</sup>, .. )

Mức sâu khai thác: từ ... đến mức.... m.

Thời gian khai thác. ....năm, kể từ ngày được cấp giấy phép.

(Tên tổ chức, cá nhân).....cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 29

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC  
TẬN THU KHOÁNG SẢN**

(Bìa màu trắng)

Số.....  
Ngày cấp.....

Số:...../GP-UBND

*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng....năm....của. về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò ;

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng....năm....của.....về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường;

Căn cứ Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản số ... ngày ...tháng ... năm của ...;

Căn cứ Giấy phép đầu tư số.... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)... ..(nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày.....tháng.... năm.... của..... nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)... được khai thác tận thu (tên khoáng sản) bằng phương pháp (lộ thiên, hầm lò ...) ..... tại (tên khu vực).... thuộc xã..... huyện... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km<sup>2</sup>) được giới hạn bởi các điểm góc. ... có toạ độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức. .... (m);

Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất.....(tấn, m<sup>3</sup>,...);

- Trữ lượng khai thác.....(tấn, m<sup>3</sup>,...);

Thân khoáng.....

Công suất khai thác:.....(tấn, m<sup>3</sup>,. ).

Thời hạn khai thác ....năm

**Điều 2.** (*Tên tổ chức, cá nhân*).....có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan

theo quy định hiện hành;

2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) theo quy định;

3. Tiến hành hoạt động khai thác (*tên khoáng sản*)... theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ... (Sở Tài nguyên Môi trường...) kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ... được ... phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ ... và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, (*tên tổ chức, cá nhân*)... phải nộp thiết kế mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố..., ký quỹ môi trường, ký hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Sở TNMT tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao).

**TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...**  
**CHỦ TỊCH)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số /GP-UBND  
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)*

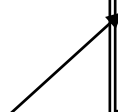
| <b>Điểm góc</b>          | <b>Hệ tọa độ VN-2000</b><br><i>(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)</i> |              |
|--------------------------|---|--------------|
|                          | <b>X (m)</b>  | <b>Y (m)</b> |
| 1                        |   |              |
| 2                        |   |              |
| ...                      |   |              |
| n                        |   |              |
| <b>Diện tích: ... ha</b> |   |              |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

**Tọa độ các điểm khép góc**

| Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục... múi chiếu... |      |
|----------|---|------|
|          | X(m)  | Y(m) |
| 1        |   |      |
| 2        |   |      |
| ...      |   |      |

Khung tọa độ

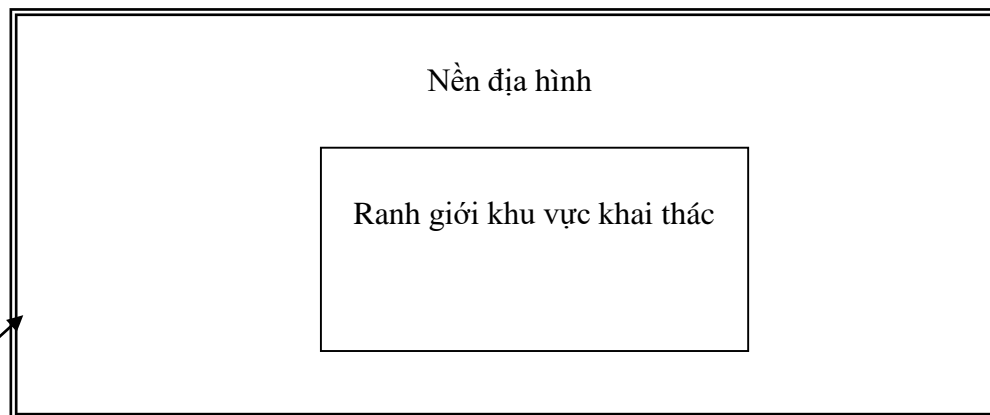


**BẢN ĐỒ KHU VỰC**

**KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....  
 (Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số...../GP-UBND ngày.... tháng.....năm....của UBND tỉnh/ thành phố. )

**CHỈ DẪN**



Người thành lập  
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập  
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục. , múi chiếu..., số hiệu. ”

## **15. Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm

đề nghị gia hạn: Nộp lệ phí cấp phép, các khoản thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; bảo hiểm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường; thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác khoáng sản; Đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực; nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** không quá 18 ngày làm việc

- Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

- Thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.

- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.

**e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**i) Lệ phí:**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01 giấy phép.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 14: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 43: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch khai thác tiếp theo (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.



Mẫu số 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác tận thu .....(tên khoáng sản)..... tại xã..... huyện. ....theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày.... tháng... năm... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Đề nghị được gia hạn thời gian khai thác tận thu: .....năm, đến ngày ... tháng ... năm ...

Trữ lượng khai thác còn lại: ..... (tấn, m<sup>3</sup>,. )

Lý do xin gia hạn.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....

## **BÁO CÁO**

### **HOẠT ĐỘNG KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAİ THÁC**

*(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

#### **I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân:..... ;
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác ..);
3. Địa chỉ:.....;  
Điện thoại: .....; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên. ....;
  - Năm sinh.....;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
  - Loại khoáng sản được phép khai thác: .....
  - Cơ quan cấp phép. ....;
  - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn) ....., huyện (thị xã, thành phố) .....,tỉnh (thành phố) .....
  - Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/ ..);
  - Diện tích khu vực khai thác:.....(m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);
  - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức.....m;
  - Trữ lượng được phép khai thác:
    - + Trữ lượng địa chất..... (tấn, m<sup>3</sup>),
    - + Trữ lượng khai thác ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  - Công suất được phép khai thác:..... (tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày, đê);
  - Thời hạn Giấy phép khai thác: ..... (tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...
  - Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác: .....
- Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường) ....., huyện (thị xã, thành phố)....., tỉnh (thành phố) .....
- Phương pháp tiếp tục khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/ ..);
- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... ( $m^2$ , ha,  $km^2$ );
- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức .....m, đến mức..... m;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
  - + Trữ lượng địa chất ..... (tấn,  $m^3$ ),
  - + Trữ lượng khai thác ..... (tấn,  $m^3$ );
- Công suất được phép tiếp tục khai thác: .....(tấn/năm,  $m^3$ /năm,  $m^3$ /ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: ..... (tháng, năm);

## **II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản**

### **II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm**

....

**II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng.... năm.....(từ khi được cấp phép) đến ngày.... tháng.... năm.....(thời điểm báo cáo):**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản). ....(VND);
  2. Tổng vốn đầu tư..... (VND);
  3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: .....(VND);
  4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm.....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....)..... (tấn,  $m^3$ );
  5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ..... (VND/tấn,  $m^3$ );
  6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế...../thực tế: .....
  7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
    - Khối lượng..... (tấn,  $m^3$ ), hàm lượng khoáng sản nguyên khai...../(tấn,  $m^3$ ) đưa vào tuyển, làm giàu;;
    - Khối lượng..... (tấn,  $m^3$ ), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu..... (tấn,  $m^3$ );
    - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được ..... (tấn,  $m^3$ );
  8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn,  $m^3$ );
  9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo ..... (tấn,  $m^3$ );
  10. Tổng doanh thu: ..... (VND);
  11. Nộp ngân sách Nhà nước:..... (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên:.....(VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản. ....(VND);
  - Thuế môi trường: ..... (VND);
  - Tiền thuê đất: ..... (VND)
  - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:..... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản:..... (VND);
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp.... (VND).
  - Khác (nếu có): .....
12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. .... (VND).
13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản ..... (VND);
14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm... ) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....) .....(tấn, m<sup>3</sup>).
15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):..... (tấn, m<sup>3</sup>), trong đó:
- Trữ lượng địa chất được phép khai thác.....(tấn, m<sup>3</sup>);
  - Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m<sup>3</sup>);
16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...): ..... (tấn, m<sup>3</sup>).
17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;
18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm..... ;
19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);
20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền. ....(VNĐ);
21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...
22. Đánh giá chung
- Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

### **III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo**

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày.....tháng.....năm....
2. Thời gian khai thác: ..... tháng/năm.
3. Sản lượng khai thác
- ... (dự kiến theo từng năm)

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

**(Quốc huy)**

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC  
TẬN THU KHOÁNG SẢN**

**(Bìa màu trắng)**

Số.....  
Ngày cấp.....

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ... ;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng....năm.....của. về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò ;

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng....năm.....của.....về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường;

Căn cứ Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản số .... ngày ... tháng ... năm ... của ...;

Căn cứ Giấy phép đầu tư số.... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)... (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày.....tháng.... năm..... của. nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)... được khai thác tận thu (tên khoáng sản) bằng phương pháp (lộ thiên, hầm lò ...) ..... tại (tên khu vực).... thuộc xã..... huyện... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km<sup>2</sup>) được giới hạn bởi các điểm góc. .. có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức. .... (m);

Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất.....(tấn, m<sup>3</sup>,...);

- Trữ lượng khai thác.....(tấn, m<sup>3</sup>,...);

Thân khoáng.....

Công suất khai thác:.....(tấn, m<sup>3</sup>,. ).

Thời hạn khai thác .... năm

**Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân).....** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) theo quy định;

3. Tiến hành hoạt động khai thác (*tên khoáng sản*)... theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ... (Sở Tài nguyên Môi trường. ) kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ... được ... phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ ... và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, (*tên tổ chức, cá nhân*)... phải nộp thiết kế mỏ,

kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố..., ký quỹ môi trường, ký hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Sở TNMT tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao).

**TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CHỦ TỊCH)**

**(Ký tên, đóng dấu)**



**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC**

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số /GP-UBND  
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)

| <b>Điểm góc</b>          | <b>Hệ tọa độ VN-2000</b><br>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu...) |              |
|--------------------------|--|--------------|
|                          | <b>X (m)</b>   | <b>Y (m)</b> |
| 1                        |  |              |
| 2                        |  |              |
| ...                      |  |              |
| n                        |  |              |
| <b>Diện tích: ... ha</b> |  |              |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

Phụ lục 2

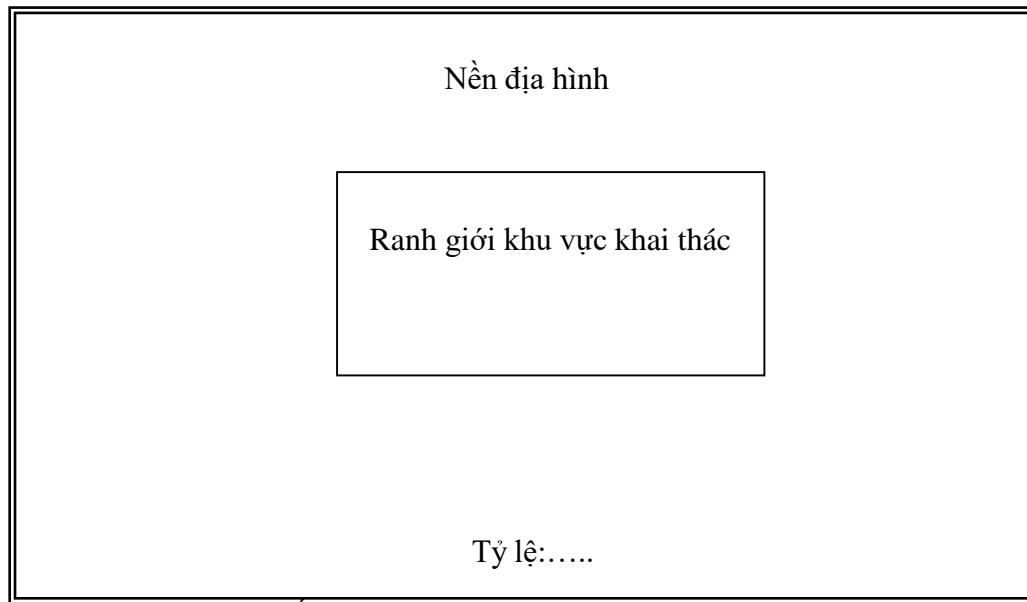
**Tọa độ các điểm khép góc**

| Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu... |      |
|----------|--|------|
|          | X(m)                                       | Y(m) |
| 1        |  |      |
| 2        |  |      |
| ...      |  |      |

**BẢN ĐỒ KHU VỰC  
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....  
(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số...../GP-UBND ngày... tháng.....năm....của UBND tỉnh/ thành phố...)

**CHỈ DẪN**



Khung tọa độ

hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục ...,  
múi chiếu..., số hiệu. .”

## **15. Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1. Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

#### **- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ**

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

#### **- Bước 3. Thẩm định hồ sơ**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

#### **- Bước 4. Trình hồ sơ**

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

#### **- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **(1) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 15 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Bản chính Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Bản chính Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép (Mẫu số 36 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ (Mẫu số 02 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** không quá 21 ngày làm việc

- Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 34 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 15: Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 36: Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 02: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày.... tháng..... năm..... do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... cấp tại mỏ (tên mỏ) ..... thuộc xã ..... huyện .... tỉnh .....

Lý do đề nghị trả lại:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....

**BÁO CÁO (ĐỊNH KỲ)**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi : .....

**I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác: .....
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác ..);

*Đăng ký doanh nghiệp số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....).*

3. Địa chỉ:.....;

Điện thoại: ..... ; Fax: .....

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên. ....;

- Năm sinh.....;

- Trình độ chuyên môn.....

**II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....**

**II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....**

**A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản**

1. Loại khoáng sản được phép khai thác. ....;

2. Cơ quan cấp phép. ....;

3. Diện tích khu vực khai thác:..... (m<sup>2</sup>, ha, km<sup>2</sup>);

4. Phương pháp khai thác: .....(lộ thiên, hầm lò);

5. Độ cao khai thác: từ .....m, đến ..... m;

6. Trữ lượng được phép khai thác:

- Trữ lượng địa chất..... (tấn, m<sup>3</sup>),

- Trữ lượng khai thác..... (tấn, m<sup>3</sup>);

7. Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày, đê);

8. Thời hạn giấy phép: (tháng, năm);
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....(VND); *Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số.....ngày...tháng...năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố....*
10. Vị trí mỏ: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh ;
- B. Hoạt động khai thác khoáng sản*
11. Tổng vốn đầu tư..... (VND);
12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản .....(VND).
13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12: (tấn, m<sup>3</sup>);
14. Giá thành khai thác trung bình trong năm ..... (VND/tấn, m<sup>3</sup>);
15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế:..... ;
16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
  - Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  - Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  - Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
19. Tổng doanh thu: ..... (VND);
20. Nộp ngân sách Nhà nước:..... (VND);  
Trong đó: - Thuế Tài nguyên:.....(VND);
  - Thuế xuất khẩu khoáng sản..... (VND);
  - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);
    - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản:.....(VND);
    - Thuế thu nhập doanh nghiệp.... (VND).
    - Khác (nếu có): .....
21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. (VND).
22. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản ..... (VND);
- C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác*
23. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;
24. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm..... ;
25. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...). .... ;



26. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....). .....;
27. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

*D. Đánh giá chung*

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

***II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:...ngày...tháng...năm (nếu có)***

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).....

.....

**III. Đề xuất, kiến nghị**

**Tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)  
ghi theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản

Địa danh, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

*ghi theo nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)  
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*  
(Họ và tên)

*Chữ ký, đóng dấu*  
(Họ và tên)

**Địa danh, Năm 20...**

# NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN MỎ ĐÀU

## 1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ.....:

- Các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản có liên quan;
- Giấy phép khai thác khoáng sản số. ;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm....., của. ;
- Thiết kế mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày tháng năm 20.....của. ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ.....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số.....ngày.....tháng.....năm.....của. ;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm (có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng.

## 2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

### 2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng cửa của toàn bộ khu vực khai thác), trong đó làm rõ:

Đóng cửa mỏ để đưa khu vực khai thác trở lại trạng thái an toàn (như: bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác...đối với khai thác lộ thiên; hay phá hủy toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển, v.v. đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò v.v. ); đóng cửa mỏ để bảo vệ do chưa khai thác hết trữ lượng trong khu vực đã cấp phép hay mục đích của việc lập Đề án là để thanh lý toàn bộ trữ lượng đã cấp phép?

### 2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;
- Xác định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo đề án/dự án/phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. đã duyệt và đã thực hiện; hiện trạng khu vực khai thác (moong/các lò khai thác), các công trình phụ trợ trên mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường trước đó;
- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, khối lượng của từng hạng mục

công trình đóng cửa mỏ; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

## **CHƯƠNG I**

### **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN**

#### **1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ**

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

#### **2. Lịch sử khai thác mỏ**

Nêu khái quát quá trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

## **CHƯƠNG II**

### **HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ**

#### **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

##### ***1.1. Các thông tin cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ***

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của dự án đầu tư.

##### ***1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ***

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa dự án đầu tư và thiết kế mỏ theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

##### ***1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế***

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất-mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v. ;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ**

Nêu hiện trạng về các công trình phụ trợ khai thác mỏ (văn phòng, kho, sân bãi chứa đất đá, khoáng sản; đường xá, cầu cống v.v. ); các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực khai thác khoáng sản dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường...trong quá trình khai thác và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng mỏ tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ: số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ (kể cả các bãi thải);

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

Kèm theo các tài liệu, bản vẽ chứng minh các số liệu nêu trên gồm:

- Các bản vẽ, mặt cắt thể hiện cấu trúc địa chất, đặc điểm địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực tại thời điểm đóng cửa mỏ;

- Toàn bộ bản vẽ, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác mỏ hàng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác đến thời điểm đóng cửa mỏ;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (mong khai thác, đường lò chợ v.v...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.

## **3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):**

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép.

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan).

## **CHƯƠNG III**

### **PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ**

#### **1. Phương án đóng cửa mỏ**

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ như đã nêu trên cũng như theo từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực triển khai đề án đóng cửa mỏ; hiện trạng công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác (tính đến thời điểm đóng cửa mỏ), tổ chức, cá nhân phải xây dựng các phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi; công tác đóng cửa mỏ phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan;

Theo đó, mô tả khái quát từng phương án đề xuất; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Mỗi phương án xây dựng một bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của từng phương án (bao gồm: Sụt lún, trượt lở, chông thắm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...). Lựa chọn phương án tối ưu.

#### **2. Khối lượng đóng cửa mỏ**

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ, kể cả các bãi thải của mỏ và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp phục hồi đất đai và môi trường liên quan; số lượng, khối lượng đất màu, cây xanh (nếu có) cần sử dụng trong quá trình đóng cửa mỏ; nêu rõ sự thay đổi, phương án lựa chọn và lý do thay đổi so với Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

#### **III. Tiến độ thực hiện**

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

## **CHƯƠNG IV**

### **DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔ CHỨC THI CÔNG**

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

### **KẾT LUẬN**

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).



## PHẦN PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục các bản vẽ:

| TT  | Tên bản vẽ   |
|-----|--|
| 1   | Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000  |
| 2   | Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác   |
| 3   | Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư   |
| 4   | Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..) |
| 5   | Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ  |
| 6   | Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ  |
| 7   | Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải  |
| 8   | Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).                                  |
| 9   | Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)                   |
| ... | Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường)   |

### 2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án/Dự án/Đề án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản;
- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;
- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;
- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);
- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;
- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../QĐ-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/một phần diện tích khai thác khoáng sản của (Tên tổ chức, cá nhân).....ngày.... tháng.... năm kèm theo báo cáo kết quả hoạt động khai thác .... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố ...;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm .... (trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản....theo Giấy phép khai thác số...,ngày...tháng... năm ..)

*Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản cần quy định cụ thể:*

- Diện tích được phép trả lại..... (ha, km<sup>2</sup>); trữ lượng:.....(tấn, m<sup>3</sup>, ..).

- Diện tích tiếp tục khai thác..... (ha, km<sup>2</sup>), trữ lượng:.....(tấn, m<sup>3</sup>, ..).

(được giới hạn bởi các điểm khếp góc.... có tọa độ theo Phụ lục số 1 và Phụ lục

số 2 Quyết định này).

- Thời hạn khai thác:.....năm, đến ngày... tháng... năm....

**Điều 2.** Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản ở khu vực (theo Giấy phép đã trả lại hoặc trên diện tích khai thác đã trả lại) và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo kết quả khai thác, tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...) theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện việc đóng cửa mỏ để thanh lý (hoặc để bảo vệ); các biện pháp phục hồi môi trường đất đai và các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật.

*(Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác cần quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thông báo việc thực hiện Quyết định cho phép trả lại và kế hoạch khai thác, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật)*

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

**BỘ TRƯỞNG**  
**(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...**  
**CHỦ TỊCH)**  
(Ký tên, đóng dấu)

